HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SSI PRO TRADING

(Dành cho khách hàng)

Tháng 04/2014

MỤC LỤC

1.1 Tải chương trình 6
1.2 Giao diện 6
1.3 Thanh Menu 6
1.4 Thanh công cụ 9
2 QUẢN LÝ THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG 10
2.1 Các chỉ số 12
2.2 Dữ liệu phân tích kỹ thuật 13
2.3 Thông tin CP đầy đủ 14
2.4 Đồ thị 1 phút 16
2.5 Dữ liệu phân tích 17
2.6 Thông tin CP đơn giản 18
2.7 Nhật ký giao dịch 19
2.8 Đồ thị 21
2.9 Xếp hạng 32
2.10 Danh sách xem 33
2.11 Báo động giá 33
2.12 Thanh thông tin 35
2.13 Tin tức mới 36
2.14 Tiêu đề tin 37
2.15 Lọc cổ phiếu 37
2.16 Tổng quan thị trường 38
2.17 Thông tin giao dịch thỏa thuận 39
3 QUẢN LÝ GIAO DỊCH 40
3.12 Quản lý tài khoản (FO_AM) 40
3.12.1 Đăng nhập (FO_AM_LI) 40
3.12.2 Thay đổi mật khẩu đăng nhập (FO_AM_CP) 40
3.12.3 Thay đổi mã PIN đặt lệnh 41
3.12.4 Thay đổi kiểu xác thực 42
3.12.5 Quên mật khẩu đăng nhập (FO_AM_FP) 44
3.12.6 Quản lý thông tin tài khoản (FO_AM_AI) 44
3.13 Quản lý Giao dịch (FO_TF) 53
3.13.1 Quản lý đặt lệnh thường (FO_TF_OE) 53
3.13.2 Quản lý trạng thái lệnh (FO_TF_OS) 57

3.13.3 Quản lý đặt lệnh có điều kiện (FO_TF_COO) 58
3.13.4 Quản lý trạng thái lệnh đặt có điều kiện (FO_TF_COO_OM) 60
3.14 Quản lý danh mục tài sản (FO_CM) 61
3.14.1 Quản lý danh mục đầu tư (FO_CM_PM) 61
3.14.2 Quản lý lịch sử đặt lệnh (FO_CM_OH) 64
3.14.3 Quản lý sao kê tiền (FO_CM_CAH) 65
3.14.4 Quản lý sao kê chứng khoán (FO_CM_SEH) 66
3.14.5 Quản lý thông tin nợ (FO_CM_DI) 67
3.15 Quản lý chức năng tiện ích (FO_UF) 68
3.15.1 Quản lý chức năng ứng trước tiền bán (FO_UF_CA) 68
3.15.2 Quản lý chức năng chuyển tiền (FO_UF_MT) 71
3.15.3 Quản lý chức năng bán CP lô lẻ (FO_UF_SOR) 76
3.15.4 Quản lý chức năng thực hiện quyền mua (FO_UF_RIR) 78

MỤC LỤC HÌNH ẢNH

1. Giao diện hệ thống 6
2. Thanh menu 6
3. Thanh công cụ 9
4. Màn hình đăng nhập hệ thống 40
5.Thay đổi mật khẩu đăng nhập 41
6.Thay đổi mã PIN đặt lệnh 42
7.Thao tác vào thay đổi kiểu xác thực 43
8.Thay đổi từ Dùng mã PIN --> Dùng Token 43
9.Thay đổi từ Dùng Token → Dùng mã PIN 44
10.Màn hình quên mật khẩu đăng nhập 44
11. Thao tác vào xem thông tin tài khoản 44
12. Xem thông tin tài khoản 45
13. Màn hình đăng ký sửa thông tin 45
14. Xem thông tin người ủy quyền 46
15. Thao tác vào màn hình thông tin đăng ký dịch vụ GDĐT 46
16. Màn hình đăng ký sử dụng dịch vụ GDĐT lần đầu 47
17. Màn hình xác nhận đăng ký 47
18. Màn hình đăng ký thông tin GDĐT 48
19.Màn hình xem lại chi tiết thông tin đăng ký GDĐT 48
20. Màn hình thay đổi thông tin đăng ký GDĐT 49
21. Màn hình hủy đăng ký GDĐT 49
22.Thao tác vào xem danh sách TK nội bộ 50
23.Màn hình xem danh sách TK nội bộ 50
24.Thao tác vào xem danh sách TK ngân hàng đăng ký trước 51
25. Màn hình xem danh sách TK ngân hàng 51
26. Thao tác vào xem danh sách đa tài khoản 52
27. Màn hình xem danh sách đa tài khoản 52
28.Thao tác vào đặt lệnh 53
29.Đặt lệnh Mua/ Bán 53
30.Đặt lệnh Mua/ Bán từ màn hình xem chi tiết mã CK 54
31. Đặt lệnh mua/ bán thường từ màn hình hiển thị nhanh 54
32. Đặt lệnh Mua với KL vượt quá cho phép 54
33.Chia lệnh tự động 55
34.Xác nhận đặt lệnh 55
35. Đặt Mua nhóm lệnh 56
36. Đặt nhóm lệnh 56
37. Xác nhận lệnh đặt nhóm 56
38.Xác nhận đã nhận lệnh 57
39.Danh sách lệnh đặt trong ngày 57
40. Thao tác xem danh sách trạng thái lệnh đặt 58
41. Đặt lệnh có điều kiện 59
42. Chọn loại lệnh điều kiện 59
43. Thao tác xem màn hình quản lý danh sách lệnh đặt có điều kiện 60
44. Quản lý danh sách lệnh đặt có điều kiện 60
45. Lọc theo trạng thái lệnh 61
46. Lọc theo loại lệnh đặt 61
47. Thao tác xem thông tin danh mục đầu tư 62
48.Quản lý danh mục đầu tư TK thường 62
49.Quản lý danh mục đầu tư TK Margin 62
50. Quản lý số dư tiền TK thường 63
51. Quản lý số dư tiền TK Margin 63
52. Quản lý số dư CK TK thường 63
53.Quản lý số dư CK TK Margin 63
54. Quản lý tình trạng sức mua TK Margin 64
55. Thao tác xem danh sách lịch sử đặt lệnh 64

56. Quản lý lịch sử đặt lệnh....64
57. Lọc theo trạng thái lệnh....65
58.Lọc theo kênh đặt lệnh....65
59.Thao tác xem sao kê tiền....65
60. Sao kê tiền TK thường....66
61. Sao kê tiền TK Margin....66
62. Thao tác xem sao kê chứng khoán....66
63. Sao kê chứng khoán....67
64. Thao tác xem thông tin nợ....67
65. Thao tác vào thực hiện tạo yêu cầu ứng trước tiền bán....68
66. Yêu cầu ứng trước tiền bán....68
67. Màn hình xem chi tiết khớp lệnh bán....68
68.Xác nhận yêu cầu ứng trước tiền bán....69
69.Thao tác vào xem trạng thái các yêu cầu ứng trước....69
70. Xem trạng thái các yêu cầu ứng trước....69
71. Thao tác vào xem danh sách lịch sử ứng trước....70
72. Xem danh sách lịch sử ứng tiền....70
73. Hỗ trợ lọc thông tin theo trạng thái yêu cầu ứng tiền....70
74. Thao tác vào tạo yêu cầu chuyển tiền....71
75. Yêu cầu chuyển tiền ngân hàng cùng tên....71
76. Xác nhận yêu cầu chuyển tiền....72
77. Yêu cầu chuyển tiền đến ngân hàng đăng ký trước....72
78.Xác nhận yêu cầu chuyển tiền....72
79.Yêu cầu chuyển tiền đến TK nội bô....73
80. Xem danh sách TK nội bộ....73
81. Xác nhận yêu cầu chuyển tiền....73
82. Thao tác vào xem danh sách trạng thái chuyển tiền....74
83. Danh sách trạng thái lệnh chuyển tiền....74
84. Xem chi tiết thông tin chuyển tiền....74
85. Thao tác vào xem danh sách lịch sử chuyển tiền....75
86. Xem danh sách lịch sử chuyển tiền....75
87. Nội dung lệnh chuyển tiền bị từ chối....75
88.Thao tác vào đăng ký bán CP lô lẻ....76
89.Màn hình đăng ký bán CP lô lẻ....76
90. Xác nhận đăng ký bán CP lô lẻ....76
91. Thao tác vào xem trạng thái bán CP lô lẻ....77
92. Xem trạng thái bán CP lô lẻ....77
93. Thao tác vào xem lịch sử bán CP lô lẻ....78
94. Thao tác xem thông tin quyền....78
95. Xem thông tin quyền....79
96. Đăng ký thực hiện quyền mua....79
97. Xác nhận đăng ký thực hiện quyền mua....79
98.Thao tác xem trạng thái thực hiện quyền....80
99.Xem danh sách trạng thái đăng ký thực hiện quyền....80
100. Xem lịch sử hưởng quyền....81

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ HỆ THỐNG PRO TRADING SYSTEM (HTS)

1.1 Tải chương trình

Để bắt đầu sử dụng, khách hàng tải bản cài đặt theo đường dẫn http://protrading.ssi.com.vn

1.2 Giao diện

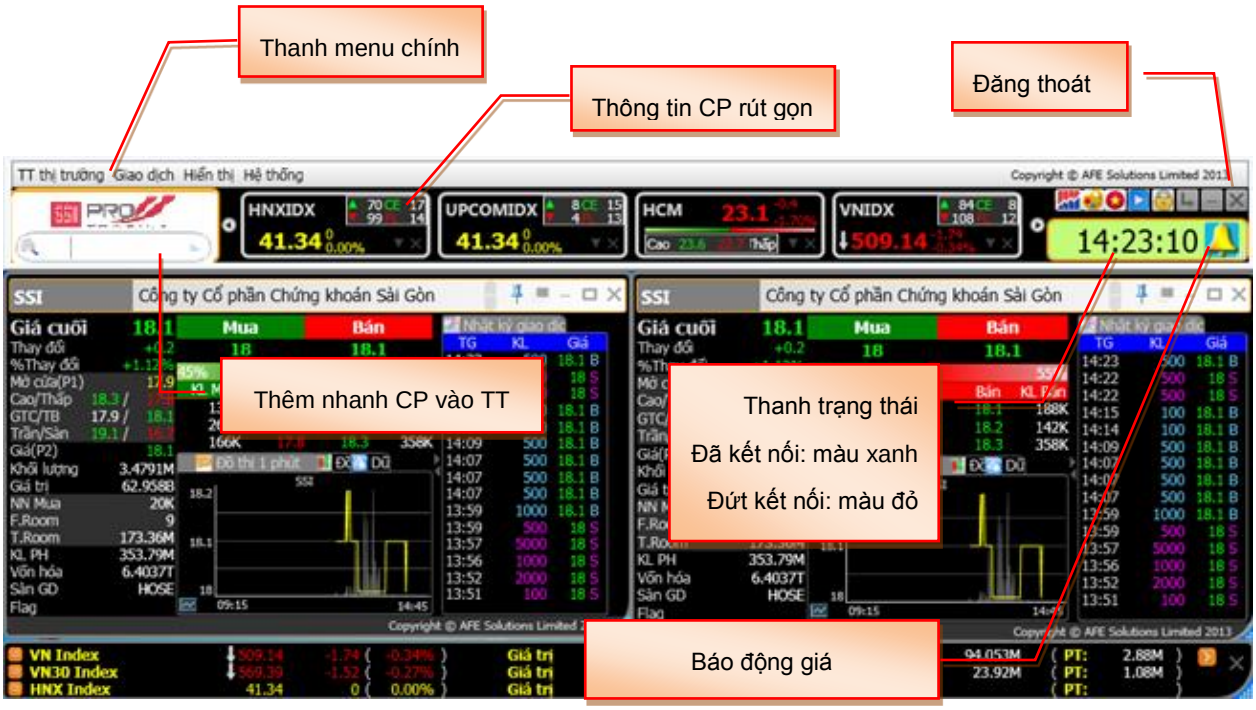

1. Giao diện hệ thống

1.3 Thanh Menu

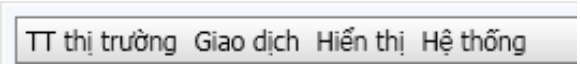

2. Thanh menu

Nhấn Alt trái để bật/ tắt thanh menu

TT thị trường	Diễn giải
Chỉ số	Giá đầy đủ của các chỉ số với Đồ thị thời gian thực, Đồ thị 30 ngày và dữ liệu phân tích.
Thông tin cổ phiếu đầy đủ	Giá đầy đủ với Đồ thị thời gian thực, Đồ thị 30 ngày, Nhật ký giao dịch và Log KL Mua/Bán
Thông tin cổ phiếu đơn giản	Tương tự với thông tin cổ phiếu đầy đủ.
Nhật ký giao dịch	Dữ liệu thời gian và giao dịch trong ngày
Đồ thị	Đồ thị lịch sử & Phân tích kỹ thuật

TT thị trường	Diễn giải
Xếp hạng	Xếp hạng top 20 – Tất cả, HOSE, HNX và UPCOM
Danh sách xem	Danh sách giá các cổ phiếu ưa thích
Báo động giá	Thiết lập báo động Giá/Khối lượng hay Nghiên cứu kỹ thuật
Thanh thông tin	Cung cấp dữ liệu chỉ số: VNIDX, HNXIDX, UPCOMIDX, VN30IDX, HNX30IDX
Tin tức mới	Tiêu đề tin với tính năng tìm kiếm
Tiêu đềtin	100 tiêu đề tin gần nhất
Lọc cổ phiếu	Tìm kiếm các cổ piếu bằng cách chỉ định nhiều điều kiện.
Tổng quan thị trường	Một biểu đồ hiển thị sự thay đổi tất cả các cổ phiếu ở mỗi thị trường. Biểu đồ này cho phép bạn nhìn tổng quan thị trường nhanh chóng.
Giao dịch thỏa thuận	Dữ liệu dư mua, dư bán và các giao dịch thỏa thuận khớp trong ngày của sàn HOSE

Hiển thị	Diễn giải
Trống	Hiển thị trống
Tải	Tải giao diện đã chọn Nhấp nút Thiết lập để cài đặt giao diện đã lựa chọn.
Lưu	Lưu giao diện hiện tại hay xóa giao diện đã lựa chọn

Hiển thị	Diễn giải
Giao diện sẵn có [F1] - [F8]	Tải giao diện sẵn có.
Giao diện của người dùng [F9]	Tải giao diện người dùng.

Hệ thống	Diễn giải
Đổi mật khẩu	
Cấu hình	
Đăng thoát	Thoát khỏi chương trình

1.4 Thanh công cụ

3. Thanh công cụ

Hiển thị	Diễn giải
	Hiển thị menu công cụ.
	Ẩn menu công cụ.
	Di chuyển cửa sổ cổ phiếu rút gọn ra sau.
	Di chuyển cửa sổ cổ phiếu rút gọn tới trước.
	Đóng/mở cửa sổ thu nhỏ.
	Thay đổi ngôn ngữ.
	Tạm dừng cuộn.
	Tiếp tục cuộn.
	Nhóm thanh công cụ và workspace.
	Bỏ nhóm thanh công cụ và workspace.
	Thay đổi thanh công cụ ngang/dọc.
	Thu nhỏ cửa sổ ứng dụng.
	Đóng chương trình.
	Mở cảnh báo.

2 QUẢN LÝ THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG

Hiển thị	Diễn giải
	Thông tin cổ phiếu đầy đủ
	Thông tin cổ phiếu đơn giản
	Chỉ số
	Nhật ký giao dịch
	Đồ thị
	Xếp hạng
	Danh sách xem
	Báo động giá
	Thanh thông tin
	Tin tức mới
	Tiêu đề tin
	Lọc cổ phiếu
	Danh mục
	Tổng quan thị trường
	Giao dịch thỏa thuận

Hiển thị	Diễn giải
	Trống
	Tải
	Lưu

Hiển thị	Diễn giải
	Đổi mật khẩu
	Cấu hình
	Thông tin

2.1 Các chỉ số

Xem giá thời gian thực của các chỉ số chứng khoán với Dữ liệu phân tích và Đồ thị. Mã mặc định là VNIDX.

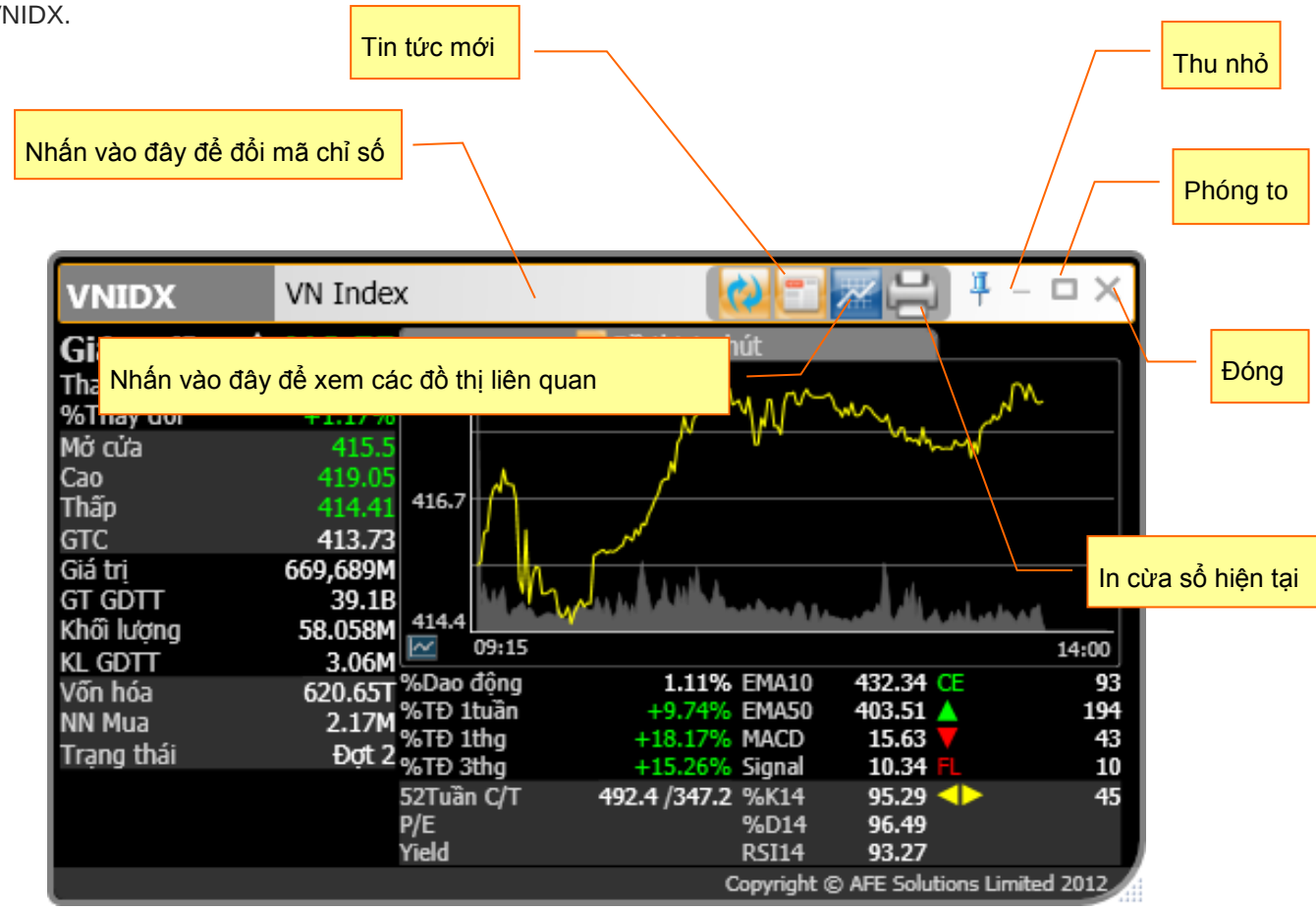

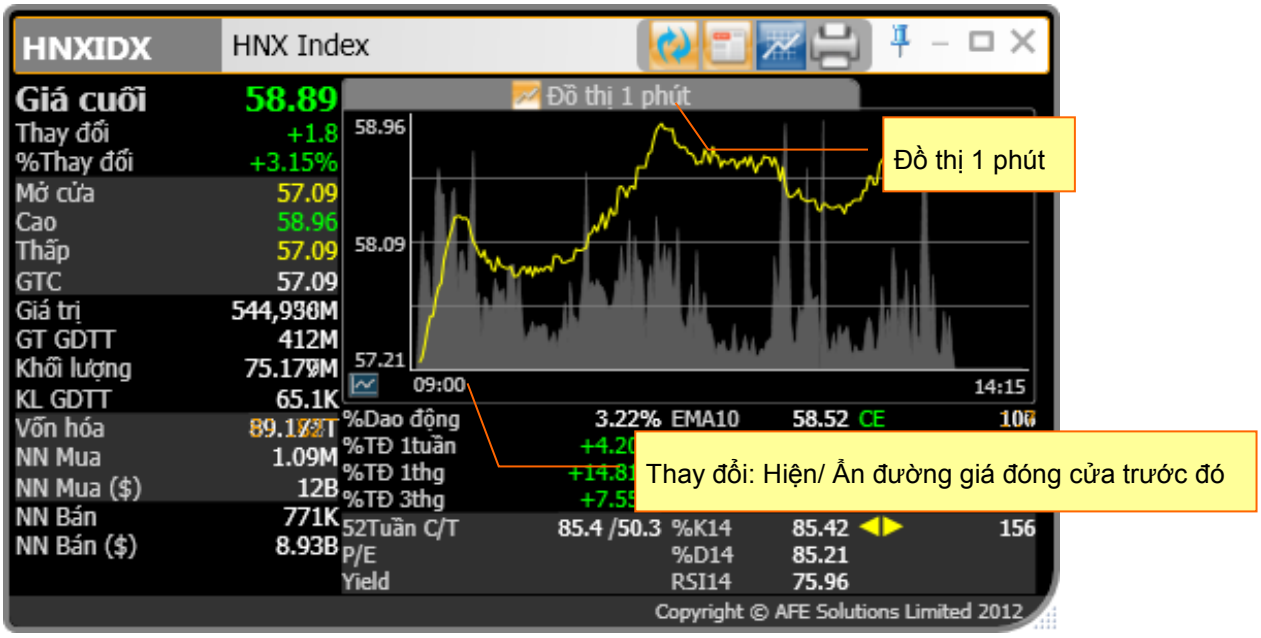

Hiển thị	Diễn giải
Giá cuối	Giá gần nhất
Đóng cửa	Giá đóng cửa trong ngày.
Thay đổi	Độ lệch giữa giá cuối và giá đóng cửa gần nhất (giá tham chiếu).
% Thay đổi	Độ lệch giữa giá cuối và giá đóng cửa gần nhất (giá tham chiếu) theo phần trăm.
Mở cửa	Giá mở cửa.
Cao	Giá cao nhất trong ngày.
Thấp	Giá thấp nhất trong ngày.
GTC	Giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất.
Giá trị	Giá trị giao dịch cộng dồn trong ngày.
GT GDTT	Giá trị giao dịch thỏa thuận cộng dồn trong ngày.
Khối lượng	Khối lượng giao dịch cộng dồn trong ngày.
KL GDTT	Khối lượng giao dịch thỏa thuận cộng dồn trong ngày..
Vốn hóa	Vốn hóa thị trường. Giá trị vốn hóa của một công ty được đo bằng tổng giá trị để mua vào tất cả cổ phiếu đang lưu hành theo giá thị trường.
NN Mua	Tổng khối lượng mua vào của nhà đầu tư nước ngoài.
Trạng thái	Trạng thái phiên giao dịch.

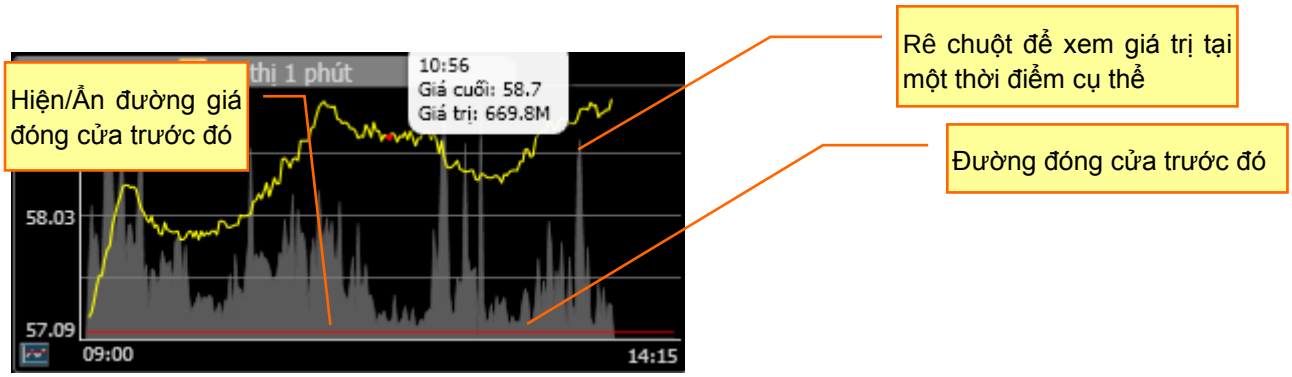

2.2 Dữ liệu phân tích kỹ thuật

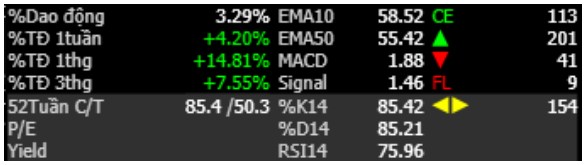

Hiển thị	Diễn giải
%Dao động	Phần trăm dao động

Hiển thị	Diễn giải
%TĐ 1 tuần	% thay đổi trong 1 tuần
%TĐ 1thg	% thay đổi trong 1 tháng
% TĐ 3thg	% thay đổi trong 3 tháng
52Tuần C	52 tuần cao. Giá cao nhất đạt đến trong 52 tuần gần nhất.
52Tuần T	52 tuần thấp. Giá thấp nhất đạt đến trong 52 tuần gần nhất.
P/E	Hệ số giá trên thu nhập (P/E – Price per Earning)
Yield	Tỷ lệ cổ tức trên thị giá
EMA10	Exponential moving average 10 ngày
EMA50	Exponential moving average 50 ngày
MACD	MACD (Period = 12, 26)
Signal	MACD Signal (Period = 9)
%K14	%K of 14 Day Slow Stochastic
%D14	%D of 14 Day Slow Stochastic
RSI 14	Relative Strength Index 14 ngày
CE	Số lượng chứng khoán giao dịch ở giá trần.
▲	Số lượng chứng khoán tăng giá.
FL	Số lượng chứng khoán giao dịch ở giá sàn.
▼	Số lượng chứng khoán giảm giá.
◀▶	Số lượng chứng khoán giá không đổi.

2.3 Thông tin CP đầy đủ

Xem giá cổ phiếu thời gian thực với Dữ liệu phân tích, Đồ thị thời gian thực và Nhật ký giao dịch. Hiển thị các dữ liệu khác nhau đối với cổ phiếu niêm yết trên HOSE, HNX và UPCOM.

Hiển thị	Diễn giải
Giá cuối	Giá gần nhất
Đóng cửa	Giá đóng cửa trong ngày.
Thay đổi	Độ lệch giữa giá cuối và giá đóng cửa gần nhất (giá tham chiếu).
% Thay đổi	Độ lệch giữa giá cuối và giá đóng cửa gần nhất (giá tham chiếu) theo phần trăm.
Mở cửa (P1)	Giá mở cửa phiên 1 (đối với HOSE).
Tạm Đóng	Giá đóng cửa tạm tính (đối với HNX).
Cao	Giá cao nhất trong ngày.
Thấp	Giá thấp nhất trong ngày.
GTC/TB	Giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất.
Trần	Giá trần.
Sàn	Giá sàn.
Giá (P2)	Giá khớp sau cùng trong phiên 2 (đối với HOSE).
M 4+	Khối lượng chào mua còn lại ngoài 3 bước giá tốt nhất (đối với HNX và UPCOM).

Hiển thị	Diễn giải
B 4+	Khối lượng chào bán còn lại ngoài 3 bước giá tốt nhất (đối với HNX và UPCOM).
Khối lượng	Khối lượng giao dịch cộng dồn trong ngày.
Giá trị	Giá trị giao dịch cộng dồn trong ngày.
NN Mua	Khối lượng mua cộng dồn của nhà đầu tư nước ngoài.
NN Bán	Khối lượng bán cộng dồn của nhà đầu tư nước ngoài (đối với HNX và UPCOM).
F. Room	Room còn lại mà nhà đầu tư nước ngoài có thể mua.
T. Room	Tổng room nhà đầu tư nước ngòai được phép mua.
KL PH	Khối lượng phát hành. Cổ phiếu được phân phối và được phép giao dịch trên thị trường.
Vốn hóa	Vốn hóa thị trường. Giá trị vốn hóa của một công ty được đo bằng tổng giá trị để mua vào tất cả cổ phiếu đang lưu hành theo giá thị trường.
Sàn GD	Sàn giao dịch.
Flag	Cờ trạng thái của cổ phiếu – Tạm dừng, Tạm ngưng.

2.4 Đồ thị 1 phút

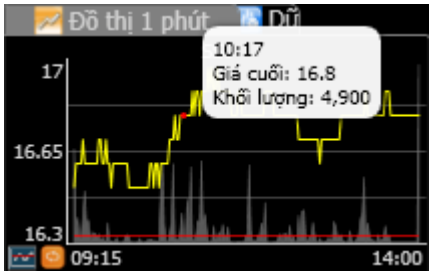

3 bước giá chào mua/chào bán tốt nhất

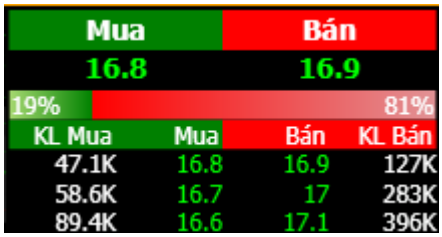

Hiển thị	Diễn giải
Mua	Giá mua. Ba giá mua tốt nhất

Hiển thị	Diễn giải
KL Mua	Khối lượng mua. Khối lượng mua của ba bước giá chào mua tốt nhất
Bán	Giá bán. Ba giá bán tốt nhất
KL Bán	Khối lượng bán. Khối lượng bán của ba bước giá chào bán tốt nhất
%Mua	%KL Mua %Mua = Sum (KL Mua)*100/Sum (KL Mua và KL Bán)
%Bán	%KL Bán %Bán = Sum (KL Bán)*100/Sum (KL Mua và KL Bán)
KL mua tuyệt đối	Tổng khối lượng mua của ba bước giá chào mua tốt nhất
KL bán tuyệt đối	Tổng khối lượng bán của ba bước giá chào bán tốt nhất
Giá trị mua tuyệt đối	Tổng giá trị mua của ba bước giá chào mua tốt nhất
Giá trị bán tuyệt đối	Tổng giá trị bán của ba bước giá chào bán tốt nhất

Nhật ký giao dịch

Xem 15 giao dịch gần nhất với ký hiệu giao dịch

Hiển thị	Diễn giải
B	Giao dịch mua
S	Giao dịch bán
P	Giao dịch thỏa thuận
X	Giao dịch thỏa thuận đã hủy
U	Giao dịch trong phiên ATO/ATC
A	Giá trung bình

2.5 Dữ liệu phân tích

Hiển thị	Diễn giải
%Dao động	Phần trăm dao động
%TĐ 1 tuần	% thay đổi trong 1 tuần
%TĐ 1thg	% thay đổi trong 1 tháng
% TĐ 3thg	% thay đổi trong 3 tháng
1Tuần C	Giá cao nhất đạt đến trong 1 tuần gần nhất.
1Tuần T	Giá thấp nhất đạt đến trong 1 tuần gần nhất.
1Thg C	Giá cao nhất đạt đến trong 1 tháng gần nhất.

Hiển thị	Diễn giải
1Thg T	Giá thấp nhất đạt đến trong 1 tháng gần nhất.
3Thg C	Giá cao nhất đạt đến trong 3 tháng gần nhất.
3Thg T	Giá thấp nhất đạt đến trong 3 tháng gần nhất.
52Tuần C	Giá cao nhất đạt đến trong 52 tuần gần nhất.
52Tuần T	Giá thấp nhất đạt đến trong 52 tuần gần nhất.
P/E	Hệ số giá trên thu nhập (P/E – Price per Earning)
Cổ tức	Cổ tức
EPS	Hệ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS – EarningPer Share
Yield	Tỷ lệ cổ tức trên thị giá
P/BV	Hệ số giá trên giá trị sổ sách (P/BV – Price per Book Value)
Lĩnh vực	Phân ngành cổ phiếu

2.6 Thông tin CP đơn giản

Tương tự với Thông tin cổ phiếu đầy đủ nhưng giảm chiều rộng và thêm một số tab bên góc phải dưới.

2.7 Nhật ký giao dịch

Hiển thị tất cả những giao dịch khớp của cổ phiếu trong thời gian thực.

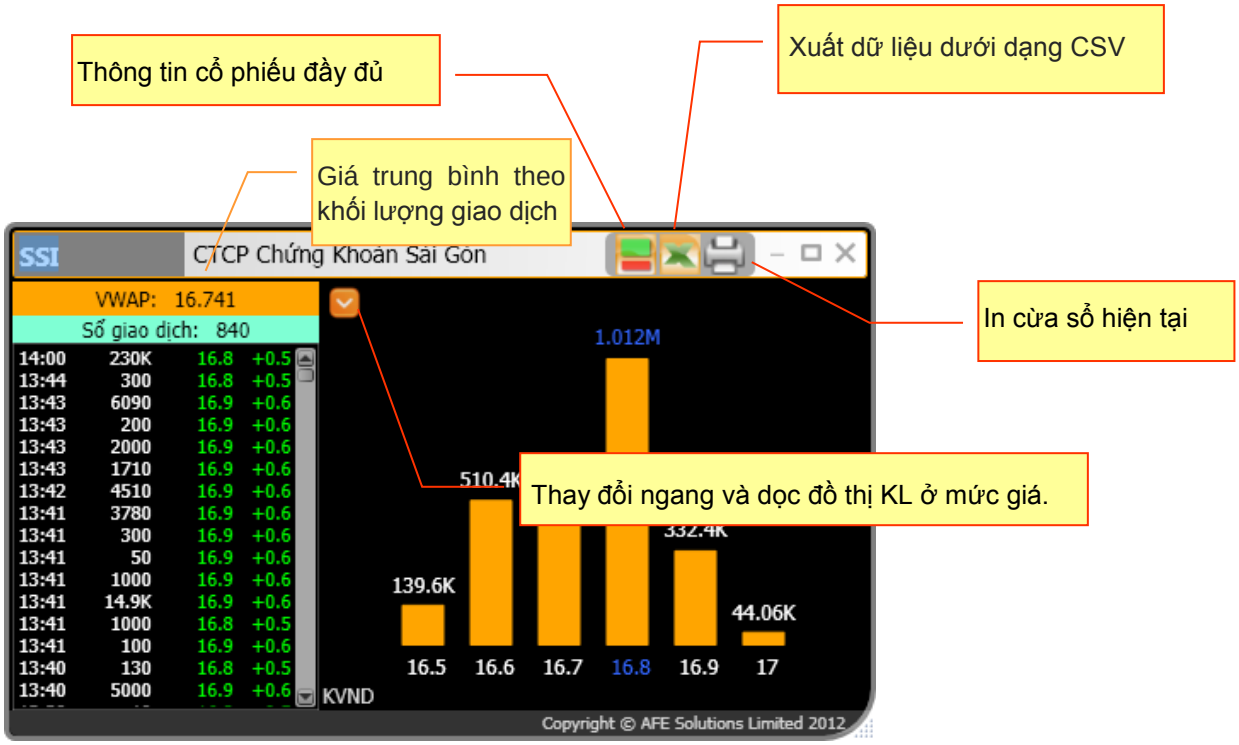

A: Tìm mã chứng khoán

Nhập mã chứng khoán vào ô dấu nhắc và nhấn Enter.

B: VWAP | Số giao dịch | Phần trăm mua/bán

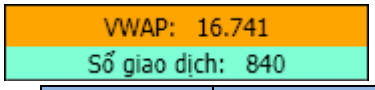

Hiển thị	Diễn giải
VWAP	VWAP là viết tắt của Volume weighted average price. VWAP là phương pháp định giá các giao dịch và được dùng để đo lường tính hiệu quả của các giao dịch của tổ chức hoặc của giao dịch viên.
Số giao dịch	Tổng số giao dịch khớp.

C: Thời gian & giao dịch

14:00	230K	16.8	+0.5
13:44	300	16.8	+0.5
13:43	6090	16.9	+0.6
13:43	200	16.9	+0.6
13:43	2000	16.9	+0.6
13:43	1710	16.9	+0.6

Hiển thị	Diễn giải
Thời gian	Thời gian giao dịch
Khối lượng	Khối lượng giao dịch đã khớp
Giá	Giá khớp (tính theo 1000 VND)

D: Đồ thị khớp lệnh theo mức giá

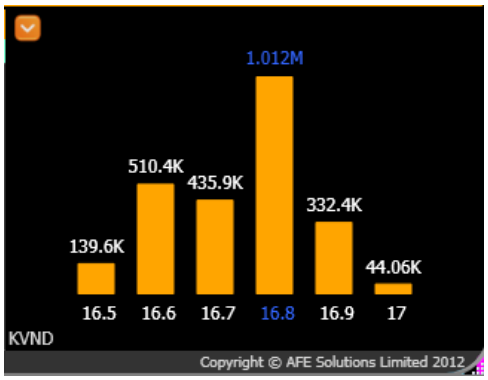

Hiển thị tất cả các giao dịch khớp tại mỗi mức giá theo biểu đồ cột với các chỉ thị màu sắc khác nhau. Khối lượng khớp được ghi trên đầu mỗi cột mức giá. Số liệu khối lượng khớp cao nhất được ghi màu xanh.

2.8 Đồ thị

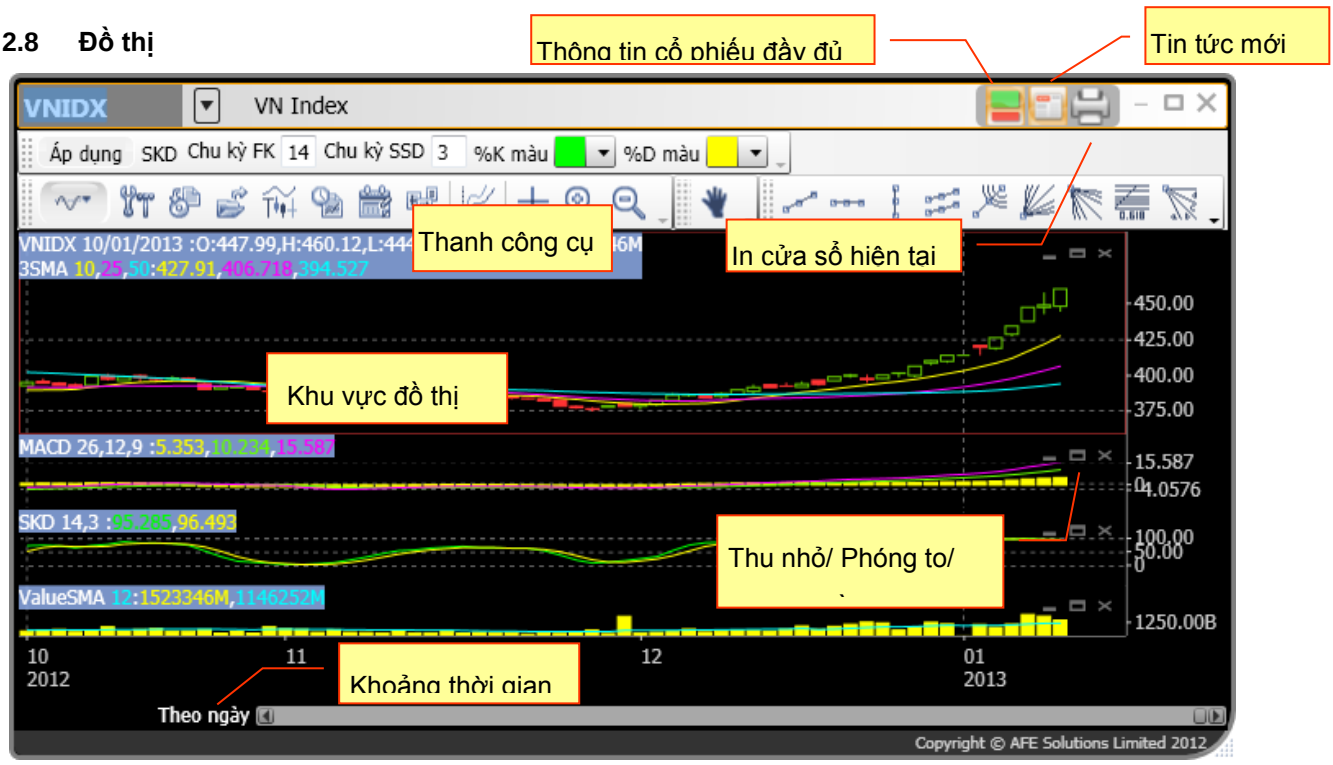

Thanh công cụ hiển thị các biểu tượng đồ họa với các công cụ phân tích kỹ thuật, lịch sử và đường xu hướng. Bạn có thể nhấn vào biểu tượng công cụ bạn thích. Đồ thị sẽ thay đổi theo lựa chọn của bạn. VIS hiển thị tối đa 5 cửa sổ trong 1 trang, bao gồm 3 cửa sổ phân tích kỹ thuật, cửa sổ giá, và khối lượng.

Màn hình sẽ gồm 3 phần:

Hiển thị	Diễn giải

Thanh công cụ	Thanh công cụ cung cấp các chức năng để vẽ đồ thị và hỗ trợ phân tích kỹ thuật.
Đồ thị	Phần này hiển thị các đồ thị và các đường phân tích.
Khoảng thời gian	Thể hiện đơn vị thời gian hiển thị trên đồ thị.

A: Thanh công cụ

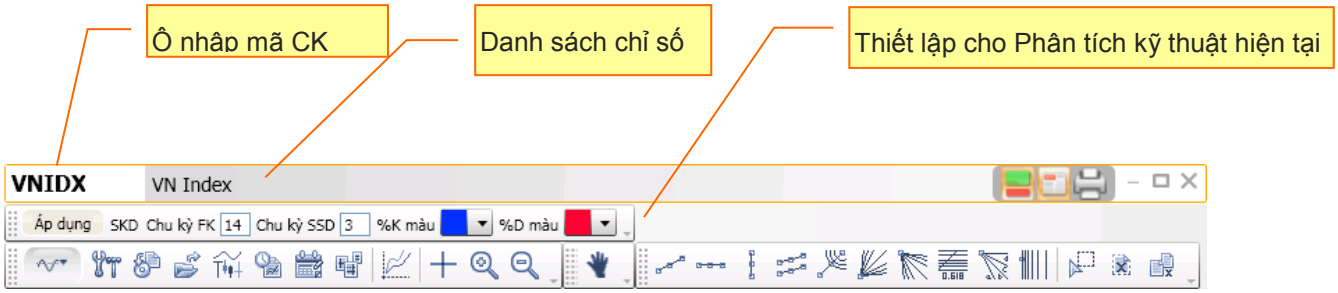

Hiển thị	Diễn giải
VNIDX	Chứng khoán. Nhập vào chứng khoán cần xem và nhấn Enter.
Áp dụng	Áp dụng. Nhấn nút này để đồng ý cài đặt mới thay đổi thông số (thời gian/màu).
RSI-SMA Chu kỳ RSI 14 Chu kỳ SMA 9	Tham số Kỹ thuật. Các tham số của phần phân tích hiện tại. Những tham số này được xét vào thời điểm các chỉ số được vẽ. Để thay đổi các tham số Phân tích Kỹ thuật, nhấn vào tên của chỉ số trong phần chú thích. Phần Phân tích Kỹ thuật sẽ được tô sáng với dấu hoa thị bên trái. Dấu hoa thị cho biết là phần Phân tích Kỹ thuật nào đang được chọn. Phần tham số Phân tích Kỹ thuật sẽ được hiển thị tương ứng. 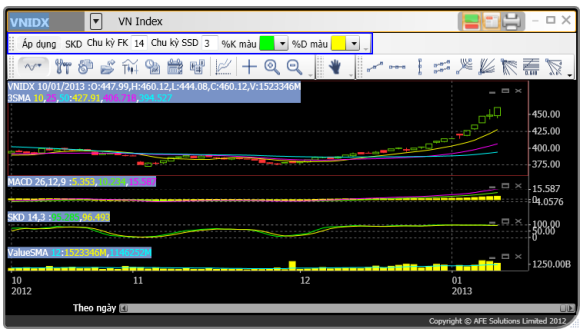
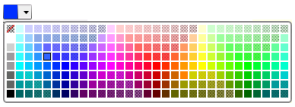	Bảng màu. Nhấn vào nút này để điều chỉnh màu của các phần trên đồ thị. Để thay đổi màu, người dùng chỉ cần nhấn vào tên của các chỉ số, nhấn nút bảng màu rồi chọn 1 màu mới. Nhấn OK để áp dụng màu mới. Thay đổi chỉ áp dụng cho phần làm việc hiện hành. Nếu người dùng muốn lưu thành mặc định thì phải chọn ô "Lưu vào mặc định" trước khi nhấn OK.
	Thêm đường Phân tích Kỹ thuật. Nhấn vào nút này để xem danh sách các phân tích hiện có.

Hiển thị	Diễn giải
	Chọn đường phân tích muốn thêm vào. Đường được chọn sẽ được thêm vào dưới phần giá nếu như số đường phân tích chưa vượt mức cho phép (tối đa 5 đường). Nếu không thì đường cũ nhất sẽ bị thay thế bởi đường mới.
	Cấu hình. Chức năng cho phép người dùng thay đổi cấu hình của đồ thị. Phần này bao gồm: Cài đặt giao diện: Màu nền và màu sắc của các phần đồ thị. Cài đặt chế độ: Màu mặc định của đồ thị đường Relative Performance. Mặc định cho phân tích kỹ thuật: Màu sắc chi tiết của các phần phân tích kỹ thuật khác nhau. 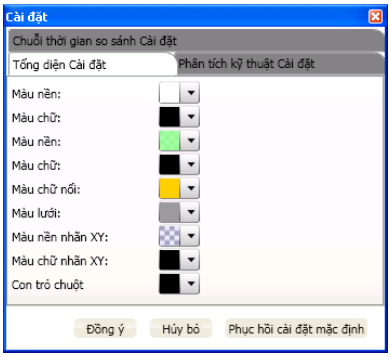 Để thay đổi màu, nhấn vào ô màu cần đổi và chọn lại màu khác. Để đổi cấu hình của phần phân tích, chọn phần phân tích trong danh sách xổ xuống và thay đổi. Để phục hồi lại cấu hình mặc định, nhấn vào nút “Phục hồi cài đặt mặc định”.
	Lưu đồ thị. Cho phép bạn lưu chart template.
	Phục hồi đồ thị. Cho phép bạn tải chart template.
	Các kiểu đồ thị. Phần đồ thị giá có thể được hiển thị theo 3 kiểu. Nhấn vào nút này để hiện ra các lựa chọn. 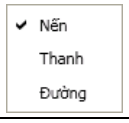
	Khoảng thời gian. Đồ thị có thể hỗ trợ nhiều khoảng thời gian khác nhau. Nhấn vào nút này để hiện ra các lựa chọn.

Hiển thị	Diễn giải
	Thiết lập ngày. Theo các bước sau để thiết lập ngày cho trục X: Nhấn nút Thiết lập ngày Hộp thoại Thiết lập ngày được hiện ra. 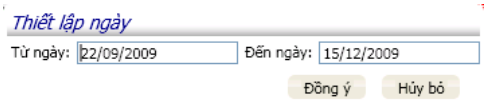 Nhập ngày bắt đầu vào Từ ngày và ngày kết thúc vào Đến ngày. Định dạng ngày là DD/MM/YYYY. Nhấn Đồng ý để tiến hành.
	Tùy chọn Ẩn/Hiện. Nhấn vào nút này để hiện ra các lựa chọn.
	So sánh tương quan. Nhấn để vào kiểu đồ thị So sánh tương quan. Đồ thị so sánh tương quan so sánh tỷ lệ thay đổi về giá của 2 hay nhiều mã chứng khoán. Điểm bắt đầu tại vị trí đầu tiên nhìn thấy là 0% và cho thấy % thay đổi của giá đóng cửa kể từ điểm đó đối với tất cả các mã trong danh sách. Các đồ thị So sánh tương quan rất tốt cho việc so sánh những mã được định giá khác nhau (ví dụ như chứng khoán và chỉ số). Bạn có thể dễ dàng thấy được mã nào tốt hơn và chọn mã tốt nhất cho việc kinh doanh của mình. Theo các bước sau để thiết lập So sánh tương quan: Nhập mã làm chuẩn vào ô nhập mã. Tỷ lệ thời gian sẽ tùy thuộc vào mã chuẩn. Nhấn nút để vào kiểu đồ thị So sánh tương quan. Hộp thoại So sánh tương quan được hiển thị. Nhập vào mã cần xem để hiển thị đồ thị so sánh hay chọn chỉ số để so sánh từ hộp xổ xuống chứa các Chỉ số. 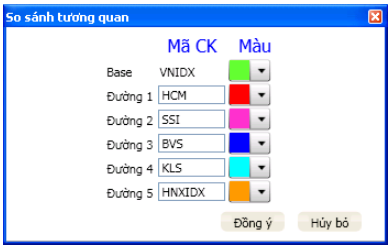 Nhấn nút Đồng ý để tiến hành. Đồ thị So sánh tương quan được hiển thị.

Hiển thị	Diễn giải
	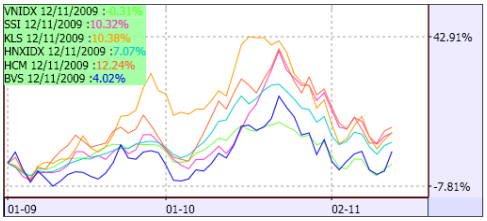 Khi đồ thị %Chg được vẽ, tất cả tỷ lệ được tính toán từ thông tin ở thanh bên trái. Để đặc tả tỷ lệ thay đổi chuẩn của bạn, sử dụng chức năng Thiết lập ngày hay chức năng Phóng to/Thu nhỏ. Phân tích kỹ thuật và Đường xu hướng không thể sử dụng trong kiểu Đồ thị So sánh tương quan.
EXIT	Thoát. Nhấn vào đây để thoát khỏi kiểu đồ thị So sánh tương quan.
	Loại con trỏ. Nhấn vào nút này để hiện ra các lựa chọn. Chéo Đường thẳng đứng Đường nằm ngang ✔ Tắt
	Phóng to. Chọn nút Phóng to để kích hoạt chức năng này. Nhấp nút trái chuột từ phần bắt đầu, và kéo con trỏ đến phần kết thúc mong muốn. Phần chọn sẽ được tô sáng. Thả nút trái chuột và phần lựa chọn sẽ được phóng to. 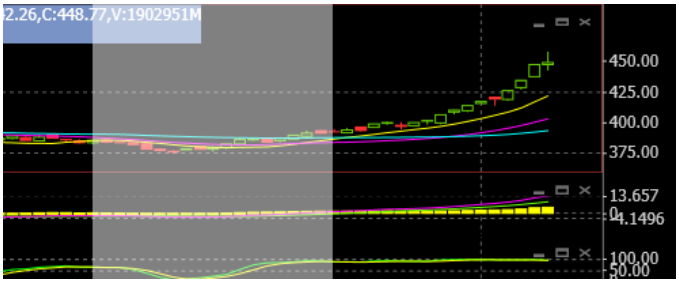
	Thu nhỏ. Chương trình sẽ ghi nhớ các khoản phóng to trước đó và thu nhỏ tương ứng khi nhấn vào nút Thu nhỏ.
	Kéo thả. Sau khi đồ thị được phóng to, người dùng có thể kéo đồ thị sang trái hay phải bằng cách chọn chức năng kéo (nhấn nút Drag).
	Đường xu hướng. Dùng để vẽ đường xu thế.
	Đường nằm ngang. Dùng để vẽ đường xu thế nằm ngang. Cách vẽ giống như đường xu thế.

Hiển thị	Diễn giải
	Đường thẳng đứng. Dùng để vẽ đường xu thế thẳng đứng. Cách vẽ giống như đường xu thế.
	Đường kênh. Dùng để vẽ các đường xu thế song song. Nhấn vào Đường kênh để kích hoạt tính năng này.
	Đường Cung Fibonacci. Chuẩn bị con trỏ để vẽ đường cung Fibonacci.
	Hướng góc Gann lên. Dùng để vẽ các Góc Gann hướng lên theo thời gian – giá.
	Hướng góc Gann xuống. Dùng để vẽ các Góc Gann hướng xuống theo thời gian – giá.
	Retracement. Dùng để vẽ đường Fibonacci Retracement.
	Hình Quạt. Dùng để vẽ hình quạt Fibonacci.
	Múi giờ. Dùng để vẽ Múi giờ Fibonacci.
	Công cụ chọn. Dùng để chọn 1 hoặc nhiều đường xu thế.
	Xóa bỏ chọn lựa. Dùng để xóa các đường xu thế được chọn.
	Xóa tất cả. Dùng để xóa tất cả các đường xu thế.

B: Đồ thị

Vùng đồ thị bao gồm tối đa 5 đồ thị: 1 đồ thị về giá, 3 đồ thị phân tích kỹ thuật và 1 đồ thị khối lượng. Mặc định, vùng đồ thị hiển thị đồ thị giá, MACD, Slow Stochatis và đồ thị khối lượng. Người dùng có thể thêm hoặc xóa các đồ thị bằng các chức năng có sẵn trên thanh công cụ. Khi người dùng thêm một đồ thị phân tích kỹ thuật, đồ thị này sẽ được thêm vào bên dưới đồ thị giá. Nếu đã có 3 đồ thị phân tích kỹ thuật, khi thêm vào 1 đồ thị mới, đồ thị phân tích kỹ thuật cũ nhất sẽ được thay thế.

C: Khoảng thời gian

Thể hiện đơn vị thời gian hiển thị trên đồ thị.

Khoảng thời gian	Chức năng
Giây	Đồ thị theo giây
Theo ngày	Đồ thị theo ngày
Theo tuần	Đồ thị theo tuần
Theo tháng	Đồ thị theo tháng

D. Thêm đồ thị phân tích kỹ thuật

Theo các bước sau:

Nhấn vào nút để xem danh sách các đồ thị được hỗ trợ.

Chọn loại đồ thị từ danh sách. Ví dụ: DMI.

Đồ thị được chọn lựa sẽ hiển thị lên vùng đồ thị

E. Đóng đồ thị phân tích kỹ thuật

Để đóng đồ thị phân tích kỹ thuật, làm theo các bước sau:

Nhấn vào chú giải đồ thị, vùng này sẽ được đánh dấu với dấu * bên trái.

Nhấn nút X bên phải đồ thị để đóng đồ thị.

F. Điều chỉnh thông số phân tích kỹ thuật

Để điều chỉnh các thông số phân tích kỹ thuật, làm theo các bước sau:

Nhấn vào chú giải đồ thị, vùng này sẽ được đánh dấu với dấu * bên trái.

Các thông số kỹ thuật của đồ thị sẽ được hiện ra.

Để thay đổi chu kỳ, điền giá trị vào ô Chu kỳ.

Nhấn Enter để làm mới đồ thị.

Để thay đổi màu, nhấn vào các ô màu tương ứng để chọn.

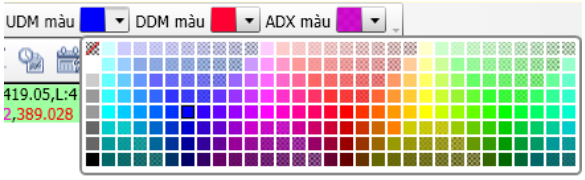

G. Vẽ đường xu hướng

Để vẽ đường xu hướng, làm theo các bước sau:

Chọn đường xu hướng muốn vẽ. Ví dụ: Nhấn .

Di chuyển con trỏ chuột đến điểm đầu của đường xu hướng, giữ chuột trái và nhả chuột trái ở điểm cuối của đường muốn vẽ.

Nhấn nút để thoát khỏi công cụ vẽ.

H. Di chuyển đường xu hướng

Để di chuyển đường xu hướng:

Nhấn chuột trái vào các ô được đánh dấu trên đường xu hướng.

Người dùng có thể kéo dài, thu ngắn, xoay, di chuyển vị trí của đường xu hướng.

I. Xóa đường xu hướng

Làm theo các bước sau để xóa đường xu hướng:

Chọn đường xu hướng cần xóa.

Nhấn để xóa.

J. Đồ thị so sánh tương quan

Đồ thị so sánh tương quan so sánh tỷ lệ thay đổi về giá của hai hay nhiều chứng khoán. Biểu đồ bắt đầu với 0% và hiển thị phần trăm thay đổi của giá đóng cửa cho mỗi mã chứng khoán trong danh sách. Đồ thị so sánh tương quan thường được dùng để so sánh sự tương quan giữa chứng khoán và index vì nó thể hiện phần trăm thay đổi (không phải các giá trị tuyệt đối). Dựa vào đồ thị tương quan, người dùng có thể biết được chứng khoán nào tốt hơn để giao dịch.

Để thiết lập Đồ thị so sánh tương quan, làm theo các bước sau:

Nhập mã chứng khoán đầu tiên vào ô tìm kiếm. So sánh sẽ dựa vào mã chứng khoán đầu tiên.

Nhấn vào nút So sánh tương quan để bắt đầu màn hình Đồ thị so sánh tương quan.

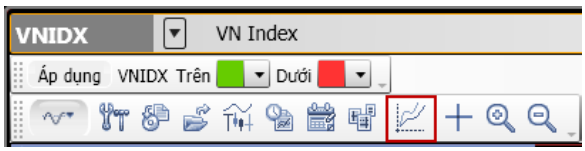

Màn hình Thiết lập so sánh tương quan hiển thị. Nhập mã chứng khoán cần so sánh. Ví dụ: HCM

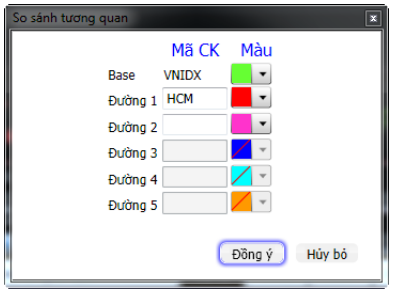

Nhấn Đồng ý để hiển thị màn hình so sánh tương quan.

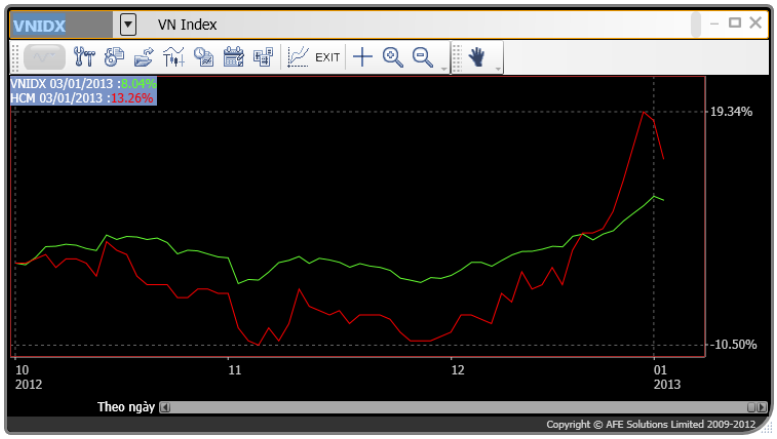

Không thể sử dụng các đồ thị phân tích kỹ thuật và đường xu hướng trong chế độ Đồ thị so sánh tương quan.

Để thoát khỏi màn hình Đồ thị so sánh tương quan: Nhấn vào nút

2.9 Xếp hạng

Xếp hạng top 40 chứng khoán với nhiều loại lựa chọn xếp hạng.

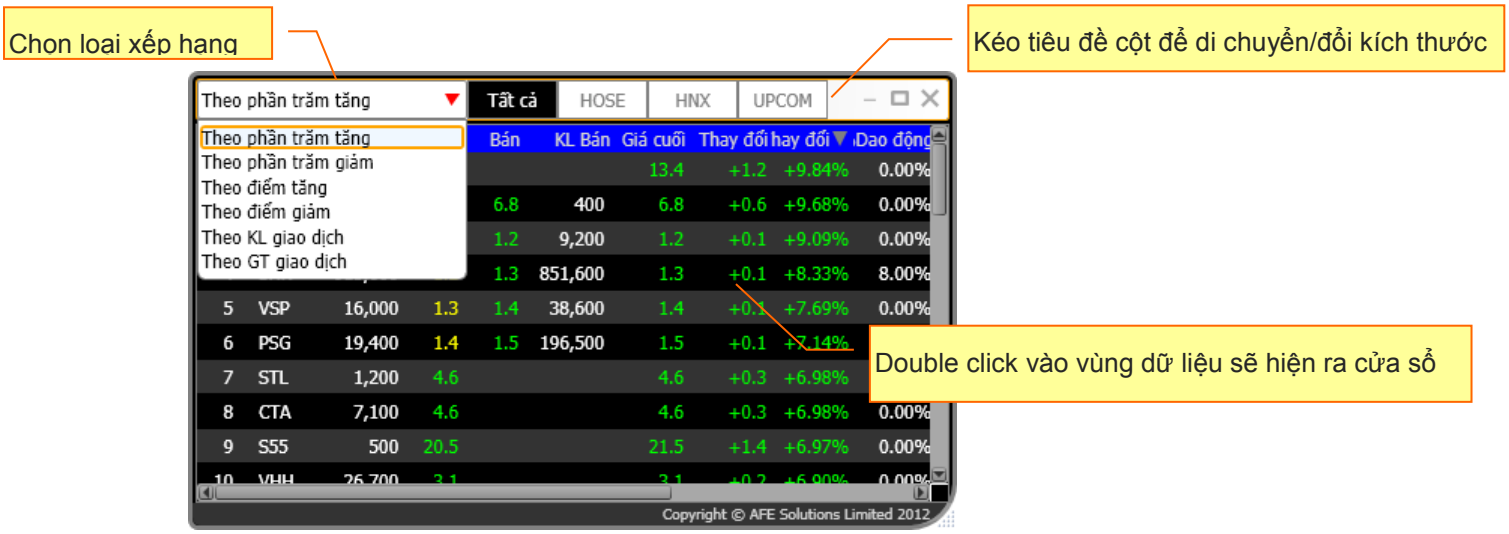

2.10 Danh sách xem

Xem nhiều mã theo thời gian thực với chức năng sắp xếp. Một profile Danh sách xem có thể chứa đến 40 mã chứng khoán.

Nhấn đúp vào vùng dữ liệu sẽ hiện ra cửa sổ Thông tin cổ phiếu đầy đủ.

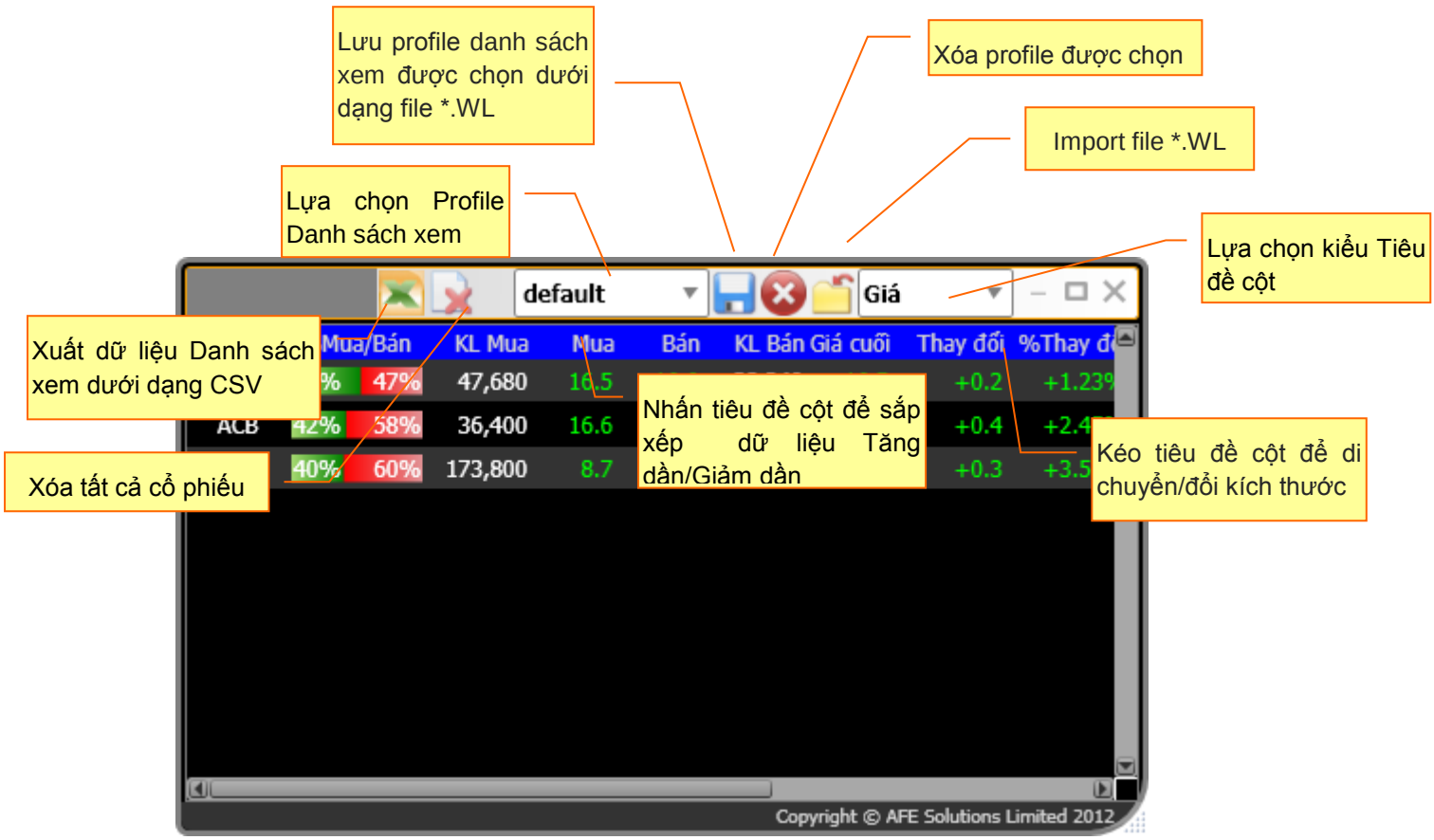

Để xóa một cổ phiếu, chọn hàng muốn xóa và nhấn nút xóa.

2.11 Báo động giá

Cảnh báo cho phép người dùngtheo dõi và được cảnh báo ngay lập tức các điều kiện đặt trước. Người dùng có thể cài đặt tối đa 20 điều kiện. Những tiêu chí này bao gồm như sau:

Phân tích kỹ thuật (Exponential MAV, MACD, Slow Stochastic và RSI)

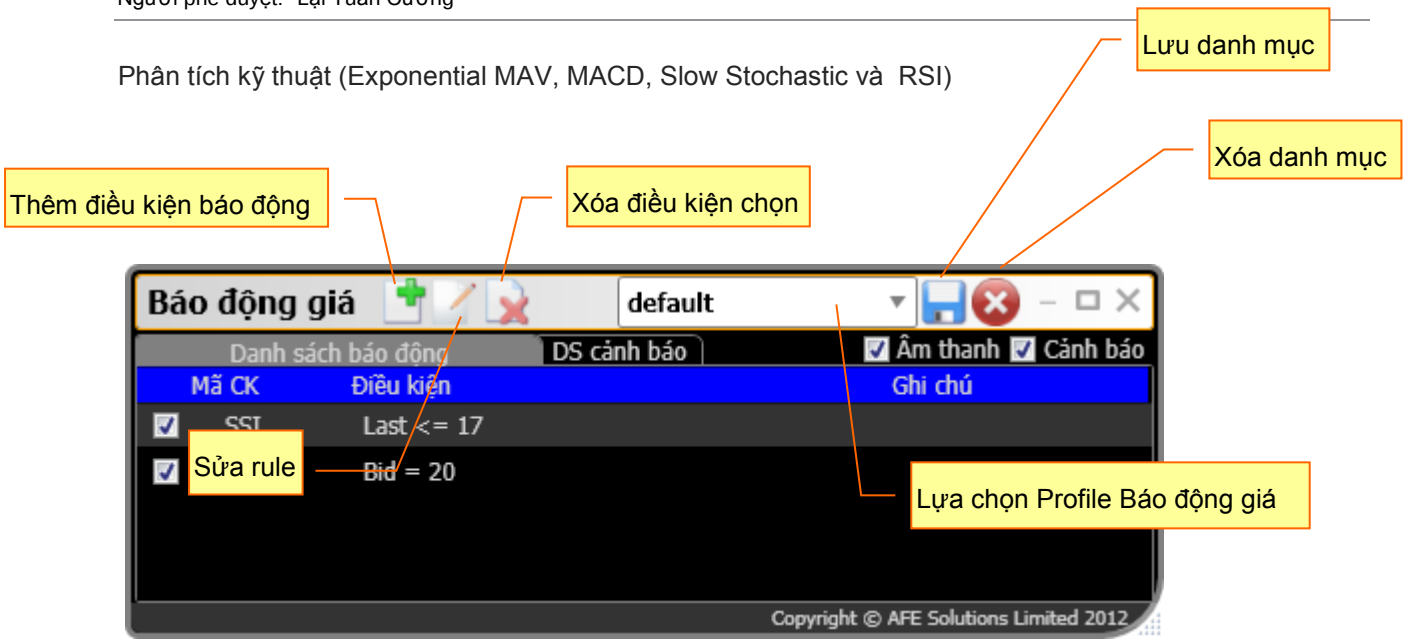

Để hiển thị hộp thoại Báo động giá:

Chọn Báo động giá ở menu TT thị trường. Hoặc

Chọn trên TT thị trường. Hoặc

Chọn trên Clock panel. Hoặc

Từ Thông tin cổ phiếu đầy đủ hay màn hình Thông tin cổ phiếu đơn giản, nhấp Mua/Bán . Hoặc

Từ Thông tin cổ phiếu tóm tắt, nhấp Bid Price/Offer Price. Hoặc

Từ màn hình Danh mục, chọn .

Danh sách báo động	Chức năng
	Thêm một điều kiện cảnh báo. Nhấp Thêm điều kiện, Hộp thoại Cài đặt điều kiện cảnh báo sẽ hiển thị. 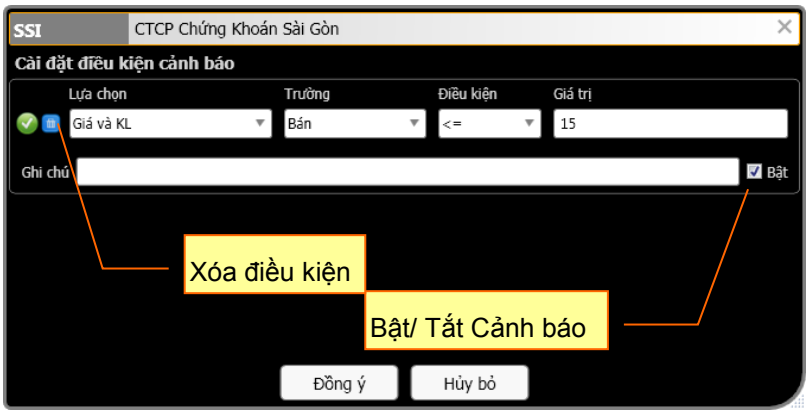
	Sửa điều kiện được chọn.
	Xóa điều kiện được chọn.

Danh sách cảnh báo	Chức năng
	Xuất ra Breaker Log CSV.
	Xóa tất cả Breaker Log.

Kiểm tra	Chức năng
Âm thanh	Nếu đánh dấu, sẽ báo động theo âm thanh.
Cảnh báo	Nếu đánh dấu, sẽ báo động theo cửa sổ pop up.

2.12 Thanh thông tin

Thanh thông tin cung cấp dữ liệu các chỉ số trong nước như VN Index, VN30 Index, HNX Index, HNX30 index và UPCOM Index để giúp theo dõi diễn biến thị trường.

Nhấp để chuyển chỉ số.

Nhấp để xem nhiều thông tin hơn.

Thông tin trên thanh thông tin bao gồm:

Thông tin	Mô tả
Last	The most recent trade price.
Change	The difference between last and previous close (reference price).
%Chg	The difference between last and previous close (reference price) in percentage.
Value	Accumulated trading value.
PT Value	Accumulated Put Through trading value.
Volume	Accumulated trading volume.
PT Volume	Accumulated Put Through trading volume.
▲	Number of stock trade on up price.
▼	Number of stock trade on down price.
◀▶	Number of stock trade on unchange price.
CE	Number of stock trade at ceiling price.
FL	Number of stock trade at floor price.
F. Buy	Foreign buy volume
F. Buy ($)	Foreign buy value.
F. Sell	Foreign sell volume.
F. Sell ($)	Foreign sell value.
Status	HOSE market status.

2.13 Tin tức mới

Cửa sổ tin tức là danh sách các tiêu đề tin. Có thể giảm số tiêu đề tin trên cửa sổ tin tức bằng cách áp dụng các điều kiện truy vấn (nhập mã chứng khoán, chọn các tin của một sàn giao dịch).

Cửa sổ tin tức liệt kê các tin từ mới đến cũ, tin mới nhất xuất hiện ở đầu danh sách.

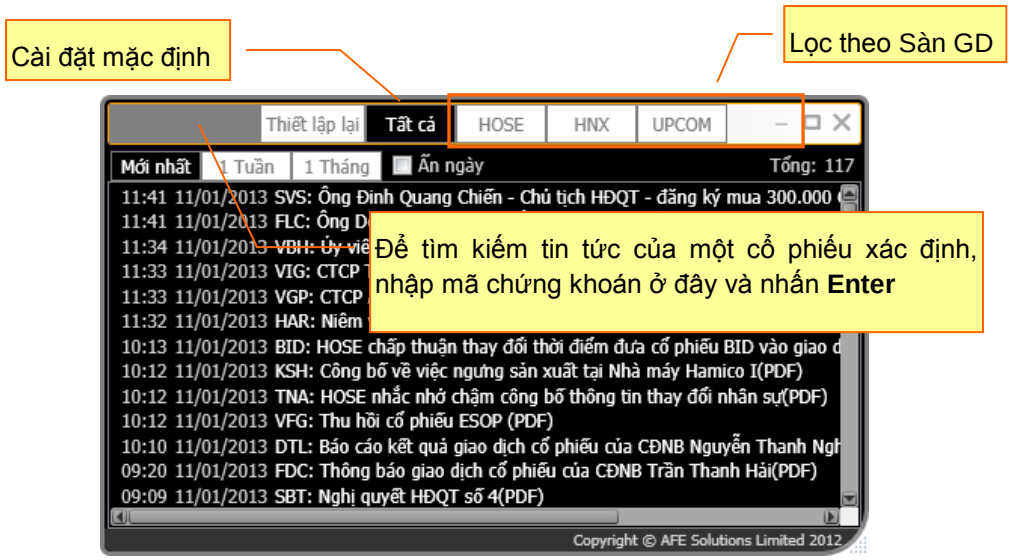

Nhấn đúp vào tiêu đề tin cần xem để hiển thị nội dung tin.

2.14 Tiêu đề tin

Một cửa sổ mới là danh sách 100 tiêu đề tin.

Double click vào tiêu đề tin cần xem để hiển thị nội dung tin.

2.15 Lọc cổ phiếu

Lọc cổ phiếu cho phép bạn tìm kiếm chứng khoán bằng cách chỉ định nhiều tiêu chí hơn, như: Giá, %Thay đổi, P/E, Hệ số sinh lời, Vốn hóa và các hoạt động Phân tích kỹ thuật.

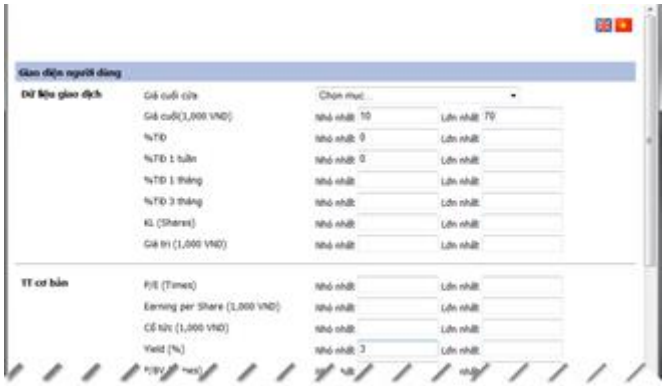

Theo các bước sau để tìm kiếm chứng khoán từ Giao diện người dùng:

Định nghĩa điều kiện.

Nhấn nút Chay để tiến hành.

Trang kết quả được hiển thị. Click vào tiêu đề cột để sắp xếp dữ liệu Tăng dần/Giảm dần. Biểu tượng mũi tên sẽ được hiển thị trên tiêu đề cột.

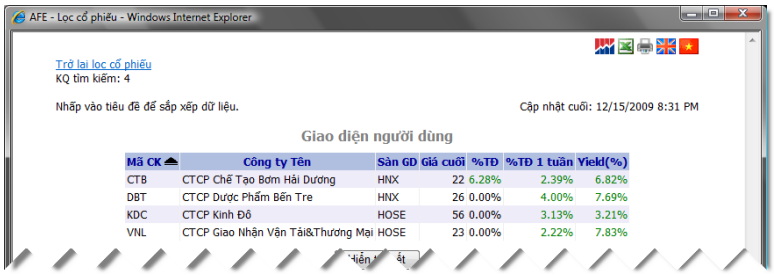

2.16 Tổng quan thị trường

Biểu đồ tổng quan thị trường hiển thị sự thay đổi của tất cả cổ phiếu trên thị trường. Biểu đồ này cho phép bạn nhìn tổng quát thị trường một cách nhanh chóng.

Màu Xanh nghĩa giá cổ phiếu tăng.

Màu đỏ là giá cổ phiếu giảm.

Màu càng đậm là sự thay đổi càng nhiều.

Lợi ích:

Biết tình hình thị trường nhanh chóng.

Cung cấp thông tin trong quyết định mua bán.

Cho phép truy cập thông tin nhanh chóng.

Nắm bắt thông tin thị trường nhanh hơn, tốt hơn

Đặc điểm:

Khi di chuyển chuột qua một cổ phiếu nào đó, nhiều thông tin về cổ phiếu này sẽ được hiển thị.

Nhấp đúp chuột vào một cổ phiếu, thông tin đầy đủ của cổ phiếu này được hiển thị.

Khi cổ phiếu này tăng trần, hình chữ nhật của cổ phiếu này có đường viền màu xanh.

Khi cổ phiếu này giảm sàn, hình chữ nhật của cổ phiếu này có đường viền màu đỏ.

Hiển thị hay ẩn giá trị %Thay đổi.

2.17 Thông tin giao dịch thỏa thuận

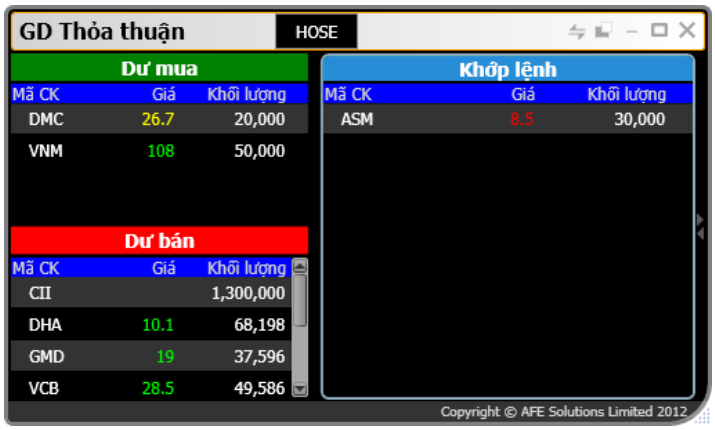

Màn hình này hiển thị thông tin về giao dịch thỏa thuận của toàn thị trường. Dư mua/Dư bán chứa các thông tin thỏa thuận quảng cáo. Màn hình Khớp lệnh chứa tất cả các giao dịch thỏa thuận khớp của thị trường.

3 QUẢN LÝ GIAO DỊCH

3.12 Quản lý tài khoản (FO_AM)

3.12.1 Đăng nhập (FO_AM_LI)

Đăng nhập vào hệ thống bằng Mã Khách Hàng và Mật Khẩu do SSI cung cấp

4. Màn hình đăng nhập hệ thống

3.12.2 Thay đổi mật khẩu đăng nhập (FO_AM_CP)

Lần đầu tiên đăng nhập vào hệ thống, khách hàng sẽ được cảnh báo nên thay đổi mật khẩu đăng nhập. Hệ thống tự động mở màn hình thay đổi mật khẩu đăng nhập để khách hàng thao tác. Khách hàng có thể bỏ qua bước này bằng cách đóng màn hình này lại.

Sau lần đầu đăng nhập, nếu muốn thay đổi mật khẩu đăng nhập, khách hàng làm theo các bước sau: Từ Menu chính → Giao Dịch → Thay đổi mật khẩu

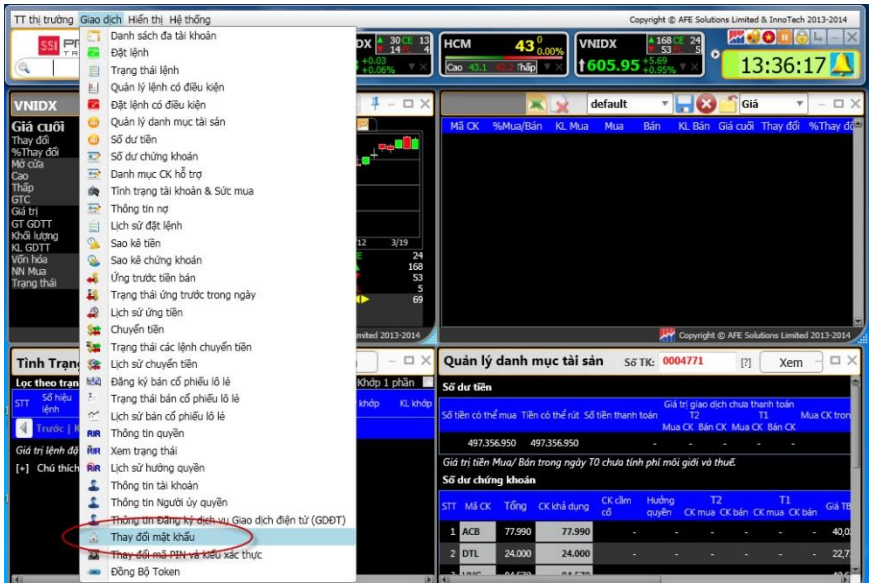

5.Thay đổi mật khẩu đăng nhập

Nhập đầy đủ thông tin yêu cầu vào → chọn Chấp nhận để thực hiện yêu cầu thay đổi mật khẩu đăng nhập.

Chọn Làm Lại để nhập lại các thông tin được yêu cầu.

3.12.3 Thay đổi mã PIN đặt lệnh

Lần đầu tiên đăng nhập vào hệ thống, khách hàng sẽ được cảnh báo nên thay đổi mật khẩu đặt lệnh (PIN). Hệ thống tự động mở màn hình thay đổi mật khẩu đăng nhập để khách hàng thao tác. Khách hàng có thể bỏ qua bước này bằng cách đóng màn hình này lại.

Từ Menu chính → chọn Giao Dịch → chọn Thay đổi mã PIN và kiểu xác thực. Tại màn hình Kiểu xác thực → chọn Thay đổi mã PIN

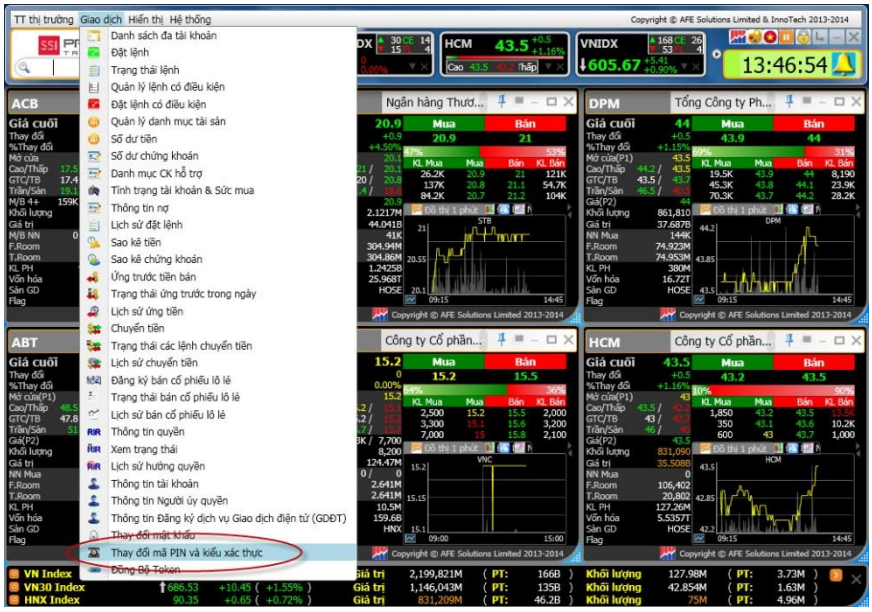

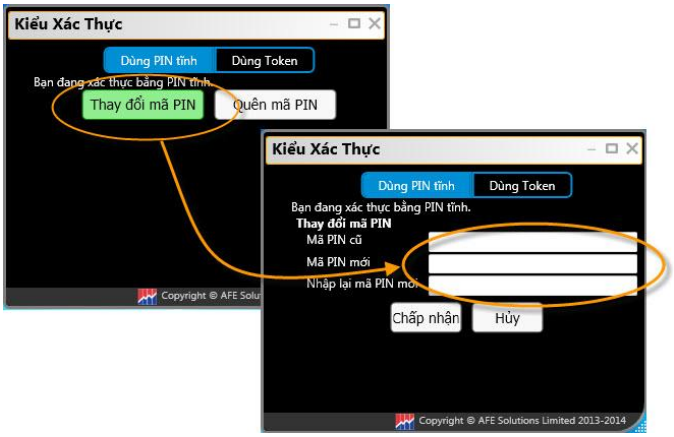

6.Thay đổi mã PIN đặt lệnh

Nhập đầy đủ thông tin yêu cầu → chọn Chấp nhận để thực hiện yêu cầu thay đổi mã PIN đặt lệnh.

Chọn Hủy để trở về màn hình Chọn kiểu xác thực.

3.12.4 Thay đổi kiểu xác thực

Từ Menu chính → Giao Dịch → chọn Thay đổi mã PIN và kiểu xác thực, tại màn hình Kiểu Xác Thực

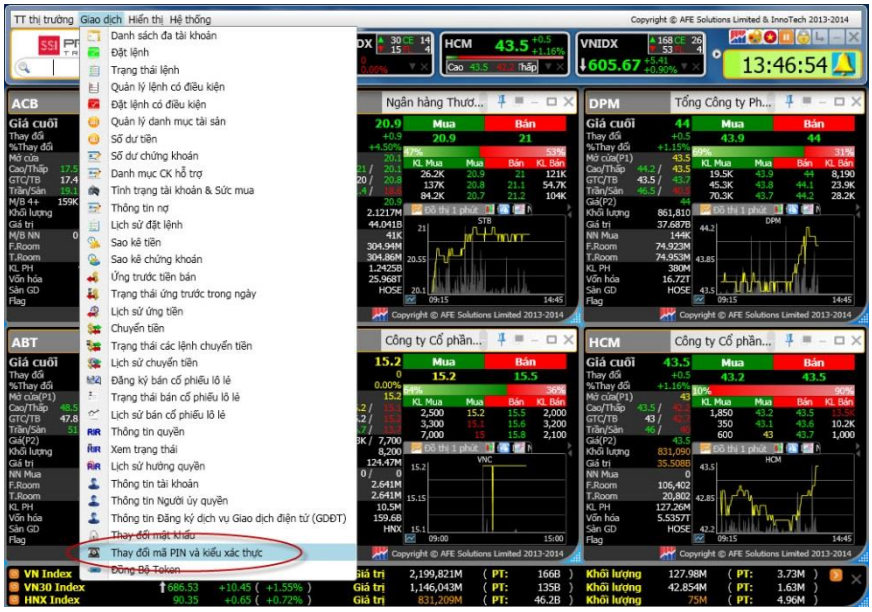

7.Thao tác vào thay đổi kiểu xác thực

- Thay đổi từ Dùng mã PIN → Dùng Token
  - Nhập xác thực Token → chọn Chấp nhận để thay đổi kiểu xác thực đặt lệnh sang Token
  - Chọn Hủy để quay lại màn hình Kiểu xác thực

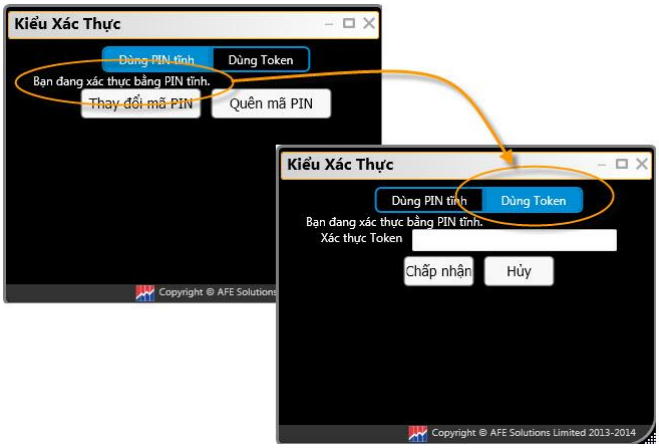

8.Thay đổi từ Dùng mã PIN --> Dùng Token

- Thay đổi từ Dùng Token → Dùng mã PIN
  - Nhập thông tin mã PIN mới & xác thực mã Token → chọn Chấp nhận để thay đổi kiểu xác thực
  - Chọn Hủy để quay về màn hình kiểu xác thực

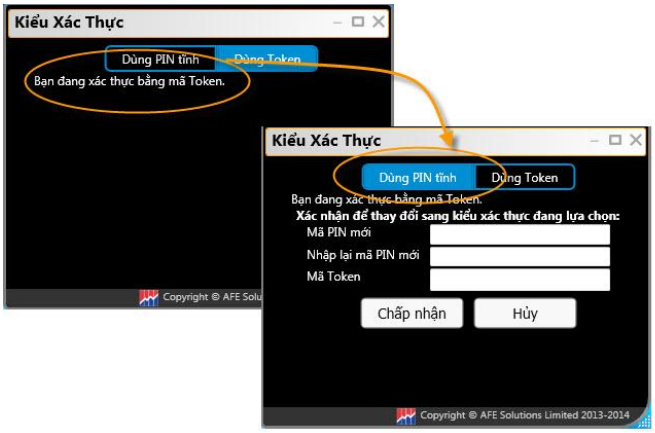

9.Thay đổi từ Dùng Token → Dùng mã PIN

3.12.5 Quên mật khẩu đăng nhập (FO_AM_FP)

10.Màn hình quên mật khẩu đăng nhập

3.12.6 Quản lý thông tin tài khoản (FO_AM_AI)

3.12.6.1 Quản lý thông tin liên lạc

Từ Menu chính → Giao Dịch → Thông tin tài khoản

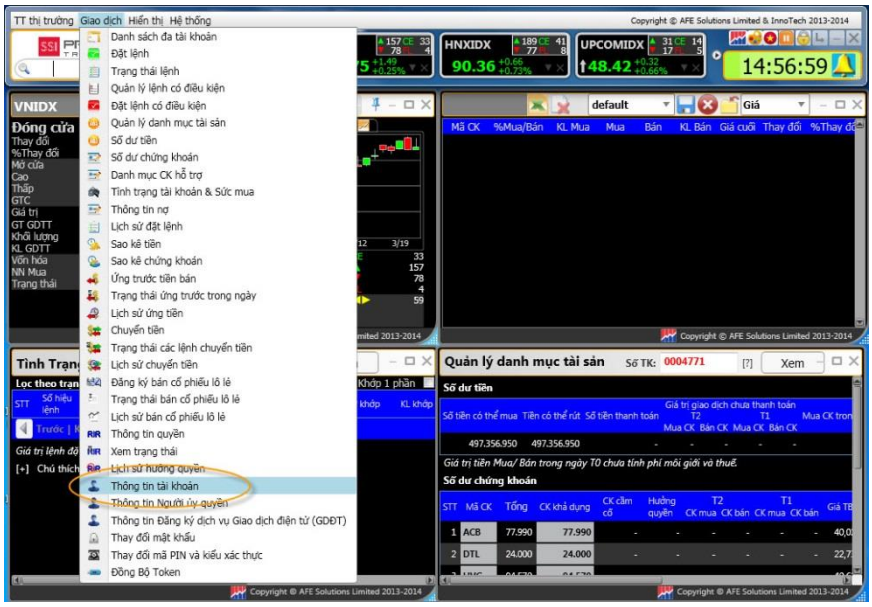

11. Thao tác vào xem thông tin tài khoản

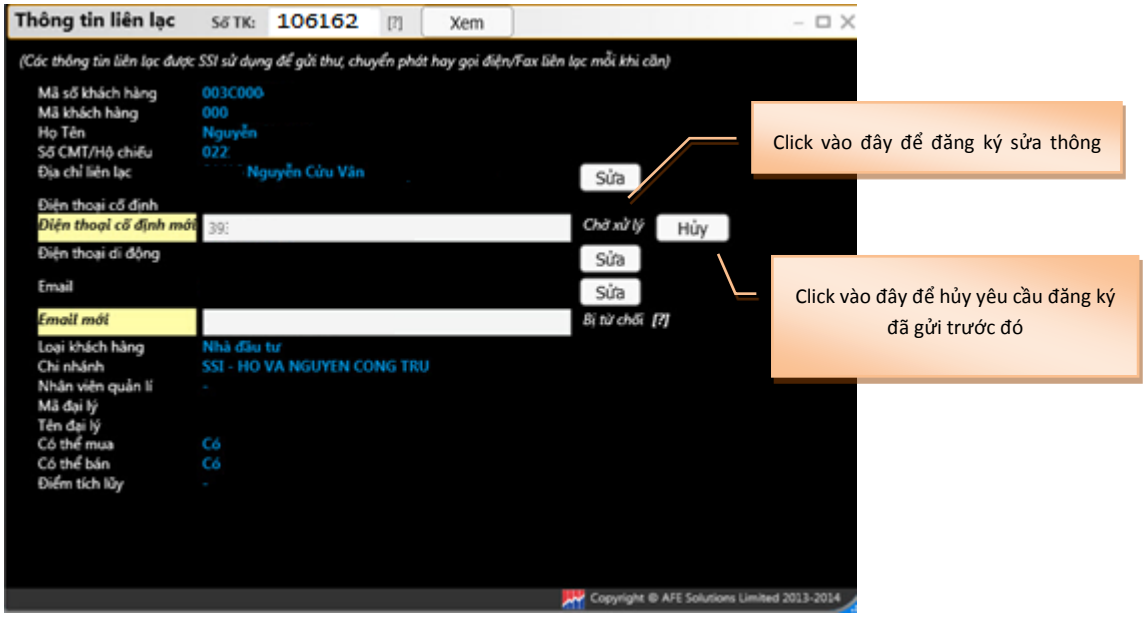

12. Xem thông tin tài khoản

Để đăng ký thay đổi thông tin hiện tại, thao tác như sau:

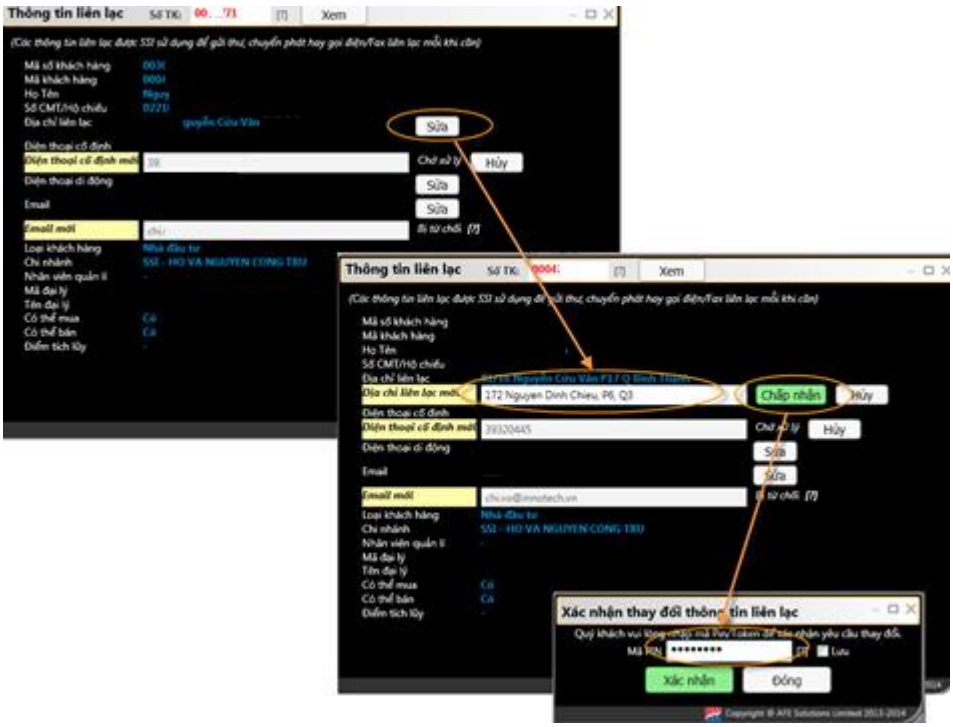

13. Màn hình đăng ký sửa thông tin

3.12.6.2 Quản lý thông tin ủy quyền

Từ Menu chính → Giao Dịch → Thông tin người ủy quyền

14. Xem thông tin người ủy quyền

3.12.6.3 Quản lý thông tin đăng ký GDĐT

Từ Menu chính → Giao Dịch → Thông tin đăng ký dịch vụ Giao Dịch Điện Tử (GDĐT)

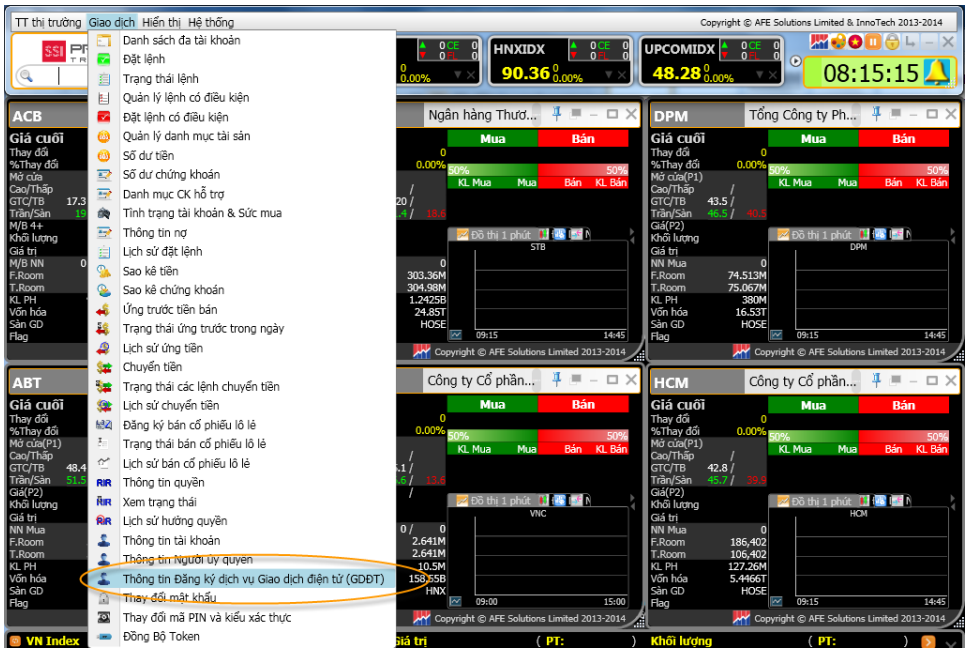

15. Thao tác vào màn hình thông tin đăng ký dịch vụ GDĐT

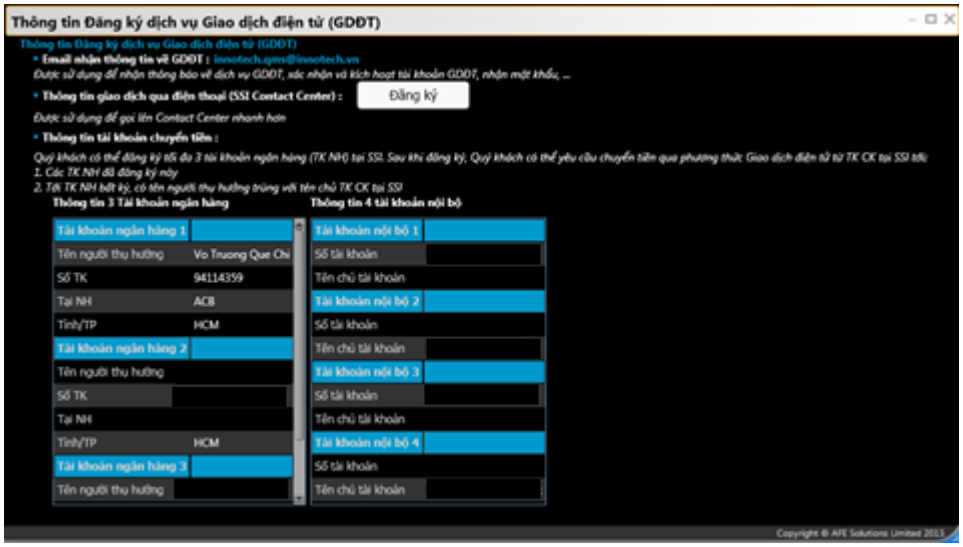

16. Màn hình đăng ký sử dụng dịch vụ GDĐT lần đầu

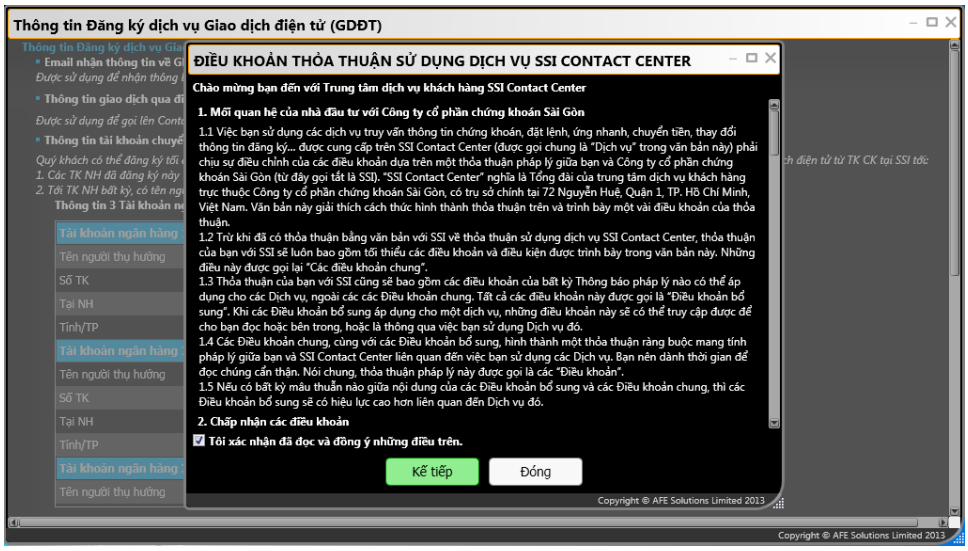

17. Màn hình xác nhận đăng ký

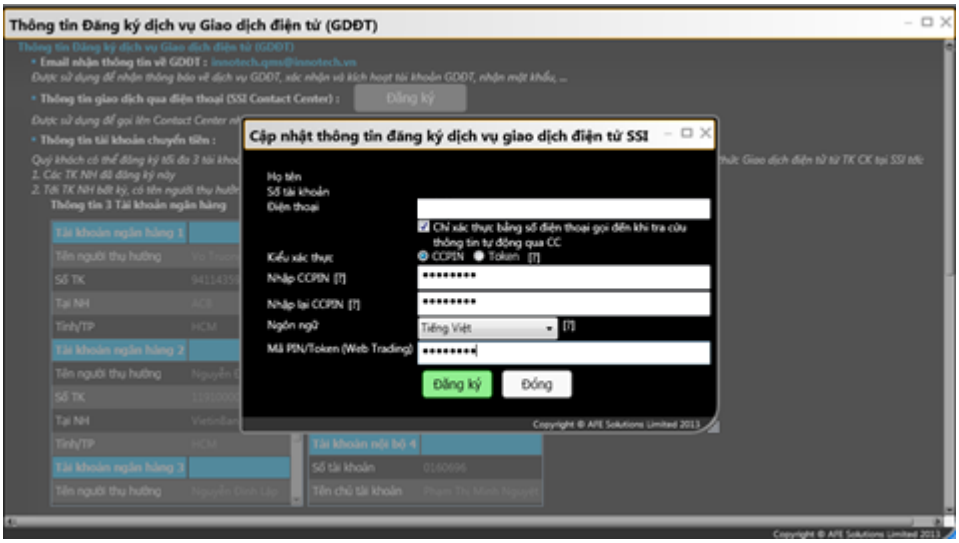

18. Màn hình đăng ký thông tin GDĐT

19.Màn hình xem lại chi tiết thông tin đăng ký GDĐT

20. Màn hình thay đổi thông tin đăng ký GDĐT

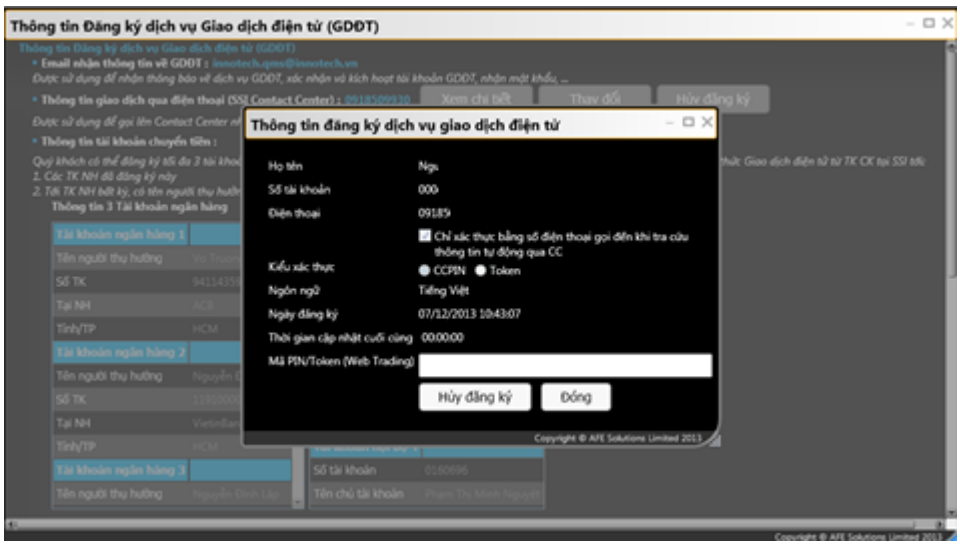

21. Màn hình hủy đăng ký GDĐT

3.12.6.4 Danh sách tài khoản nội bộ

Từ Menu chính → Giao Dịch → Thông tin đăng ký dịch vụ Giao Dịch Điện Tử (GDĐT)

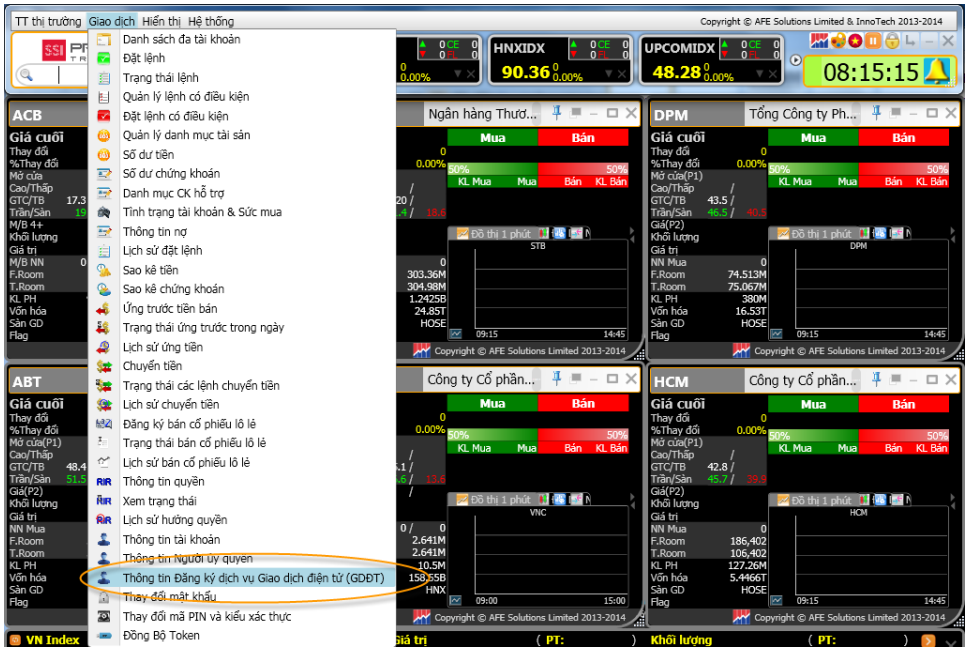

22.Thao tác vào xem danh sách TK nội bộ

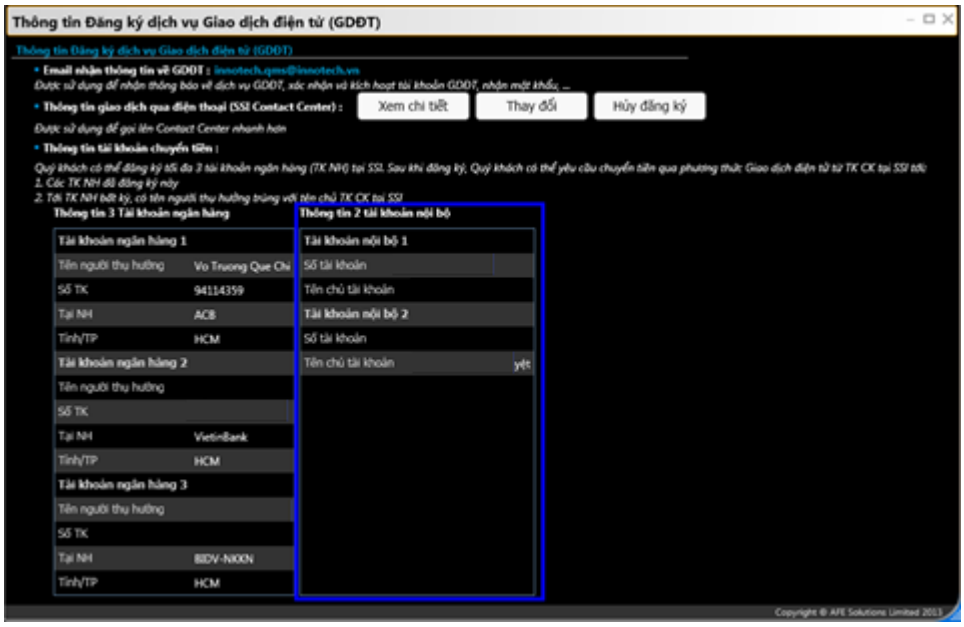

23.Màn hình xem danh sách TK nội bộ

3.12.6.5 Danh sách tài khoản ngân hàng đăng ký trước

Từ Menu chính → Giao Dịch → Thông tin đăng ký dịch vụ Giao Dịch Điện Tử (GDĐT)

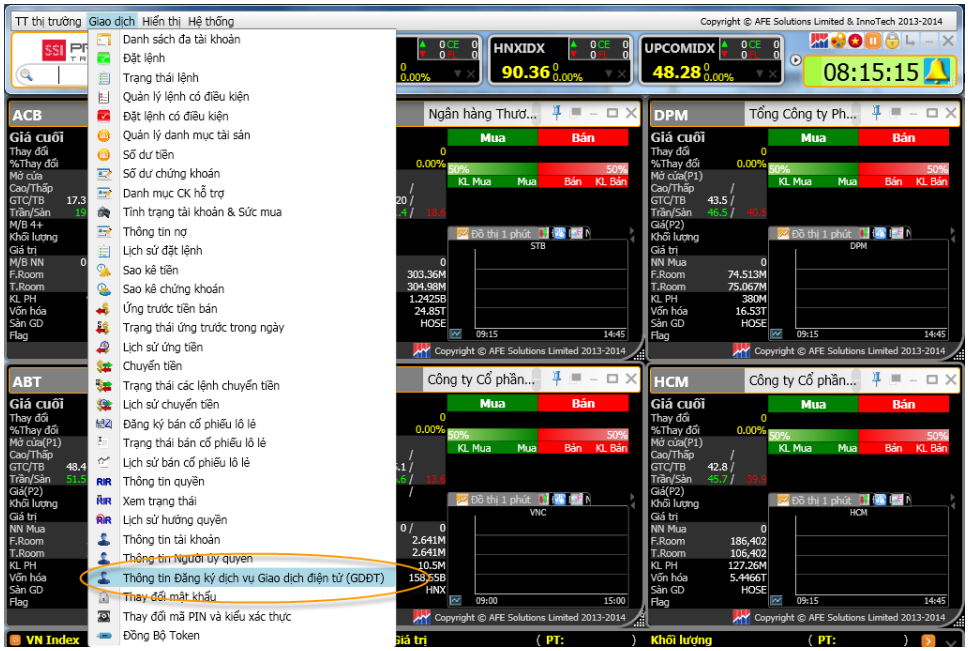

24.Thao tác vào xem danh sách TK ngân hàng đăng ký trước

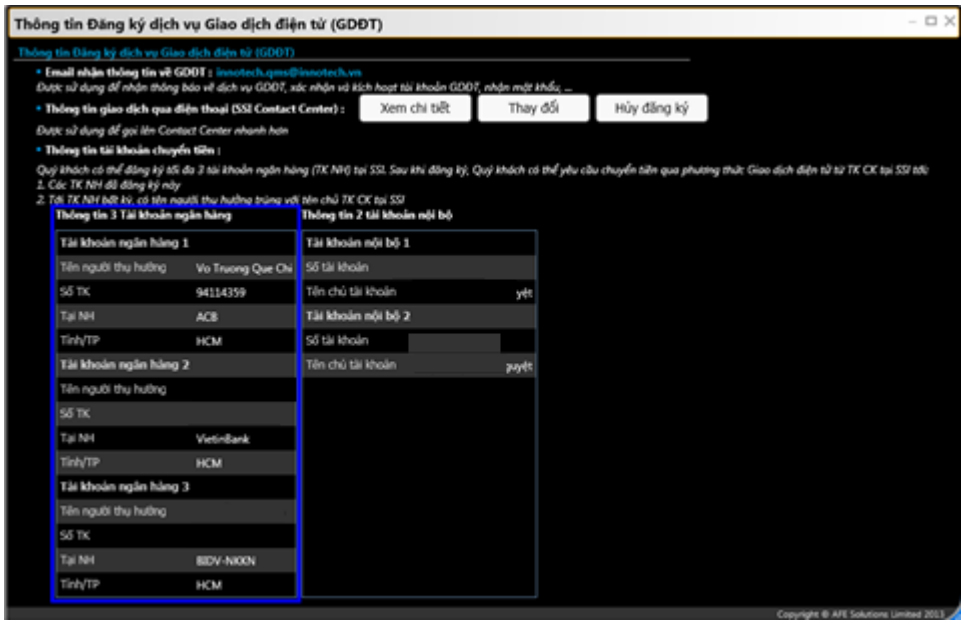

25. Màn hình xem danh sách TK ngân hàng

3.12.6.6 Danh sách khách hàng ủy quyền quản lý

Từ Menu chính → Giao Dịch → Danh sách đa tài khoản

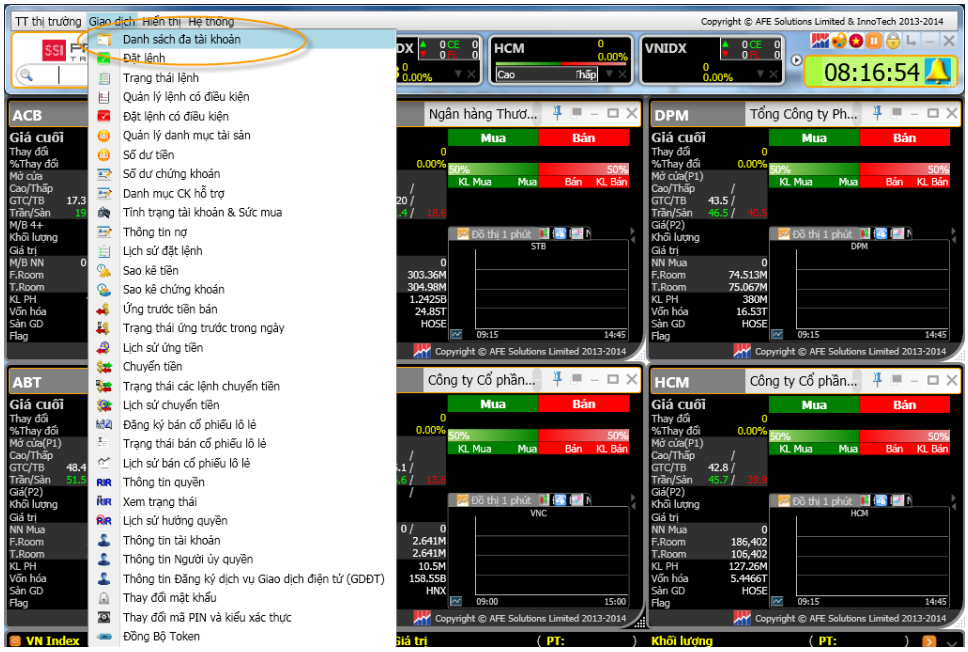

26. Thao tác vào xem danh sách đa tài khoản

27. Màn hình xem danh sách đa tài khoản

Chọn tài khoản mặc định bằng cách check chọn hoặc gõ 7 số tài khoản vào ô TK mặc định → chọn xác nhận để chọn tài khoản mặc định sử dụng trong suốt phiên đăng nhập.

3.13 Quản lý Giao dịch (FO_TF)

3.13.1 Quản lý đặt lệnh thường (FO_TF_OE)

3.13.1.1 Lệnh Mua/ Bán

Từ Menu chính → Giao Dịch → Đặt lệnh

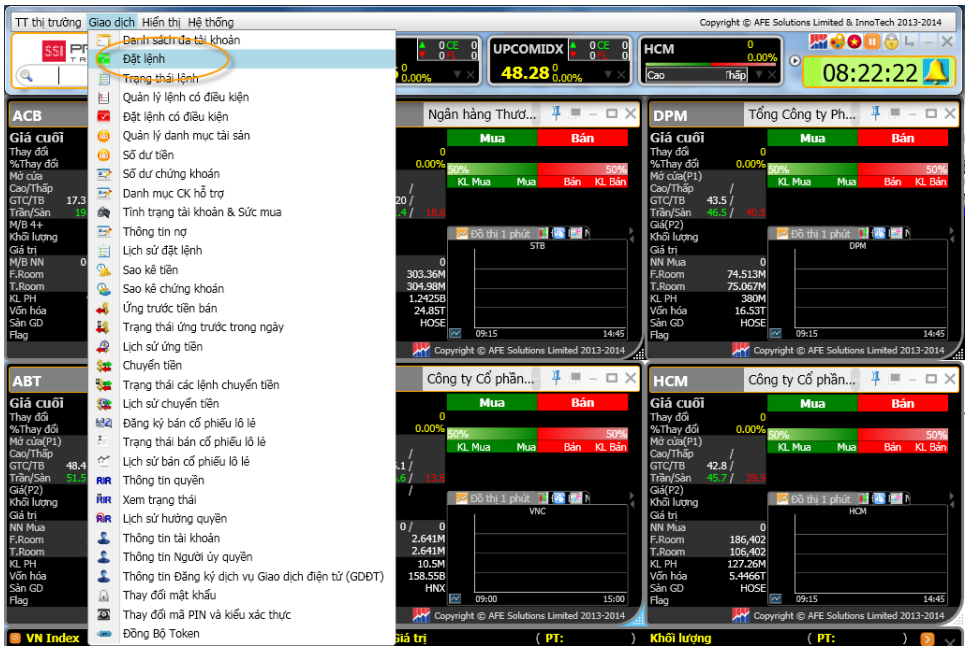

28.Thao tác vào đặt lệnh

Chọn Mua hoặc Bán để chuyển sang màn hình đặt lệnh Mua/ Bán

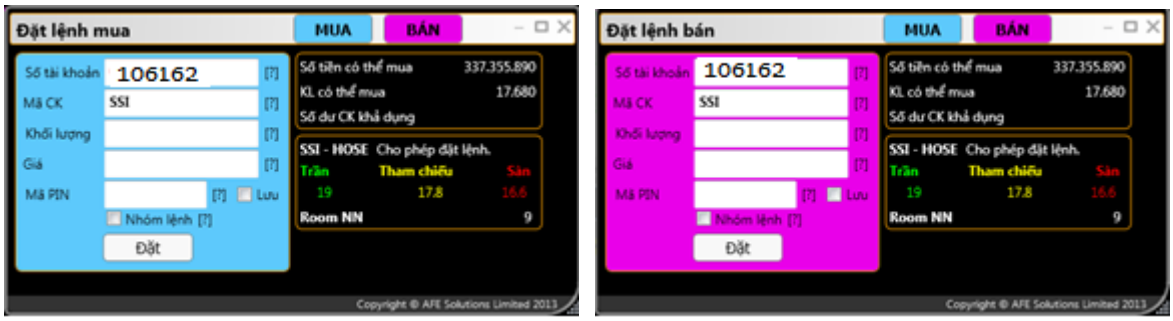

29.Đặt lệnh Mua/ Bán

Hoặc từ màn hình xem thông tin mã chứng khoán, chọn vào giá Mua/ Bán để thực hiện lệnh Mua/ Bán

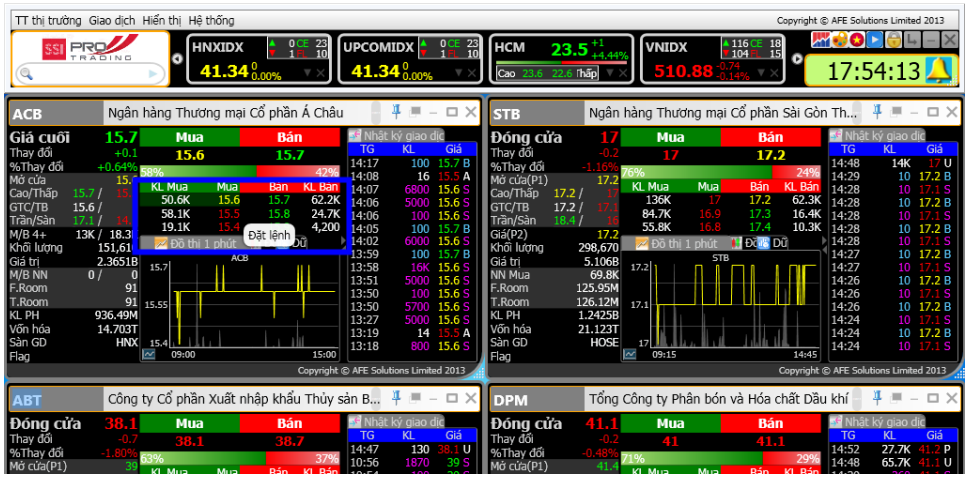

30.Đặt lệnh Mua/ Bán từ màn hình xem chi tiết mã CK

Hoặc vào màn hình đặt lệnh từ menu chính → Hiển thị → chọn F6

31. Đặt lệnh mua/ bán thường từ màn hình hiển thị nhanh

3.13.1.2 Chia lệnh tự động

Đối với lệnh Mua/Bán có khối lượng vượt quá khối lượng cho phép trong 1 lệnh đặt của các Sở giao dịch chứng khoán, hệ thống tự động chia thành các lệnh nhỏ với KL hợp lệ để gửi vào hệ thống

32. Đặt lệnh Mua với KL vượt quá cho phép

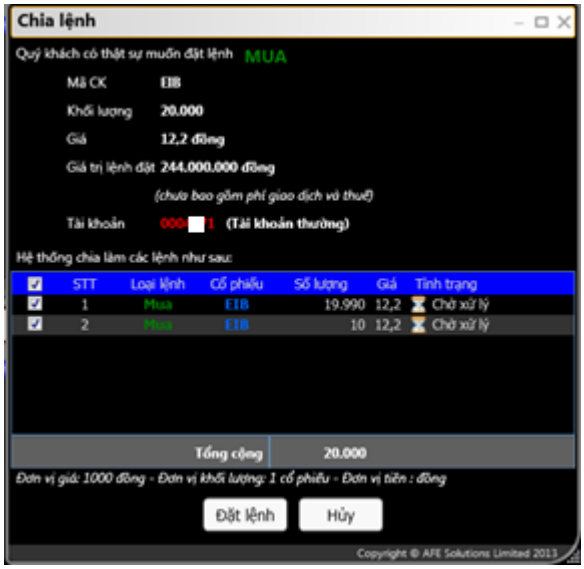

33.Chia lệnh tự động

Chọn một/ vài hoặc tất cả các lệnh sau khi hệ thống tự chia nhỏ với KL mỗi lệnh nằm trong quy định → chọn Đặt lệnh để thực hiện thao tác gửi lệnh → Chọn Đóng.

Chọn Hủy để thực hiện đặt lại lệnh khác.

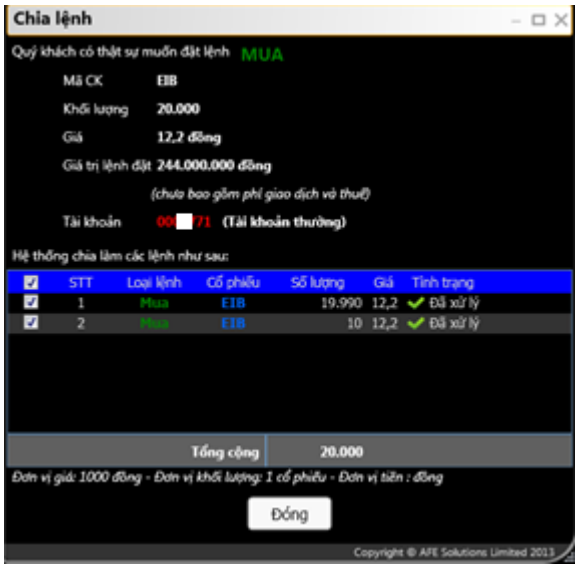

34.Xác nhận đặt lệnh

3.13.1.3 Nhóm lệnh

Cho phép đặt cùng lúc nhiều lệnh Mua/ Bán giống nhau với KL tăng/ giảm dần, với giá tăng/ giảm dần so với lệnh ban đầu.

35. Đặt Mua nhóm lệnh

Tại màn hình đặt lệnh Mua/ Bán, sau khi nhập tất cả các thông tin mã CK, KL, Giá, Mã PIN → check chọn vào ô Nhóm lệnh để xác nhận đặt lệnh nhóm.

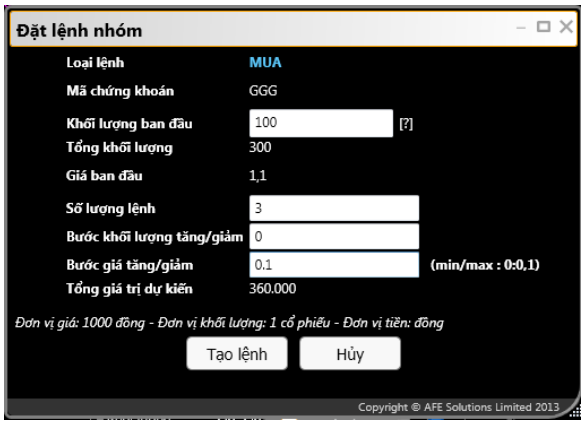

36. Đặt nhóm lệnh

37. Xác nhận lệnh đặt nhóm

38.Xác nhận đã nhận lệnh

3.13.1.4 Hủy lệnh

Để thực hiện thao tác Hủy Lệnh, chọn lệnh cần hủy trong danh sách Trạng Thái Lệnh

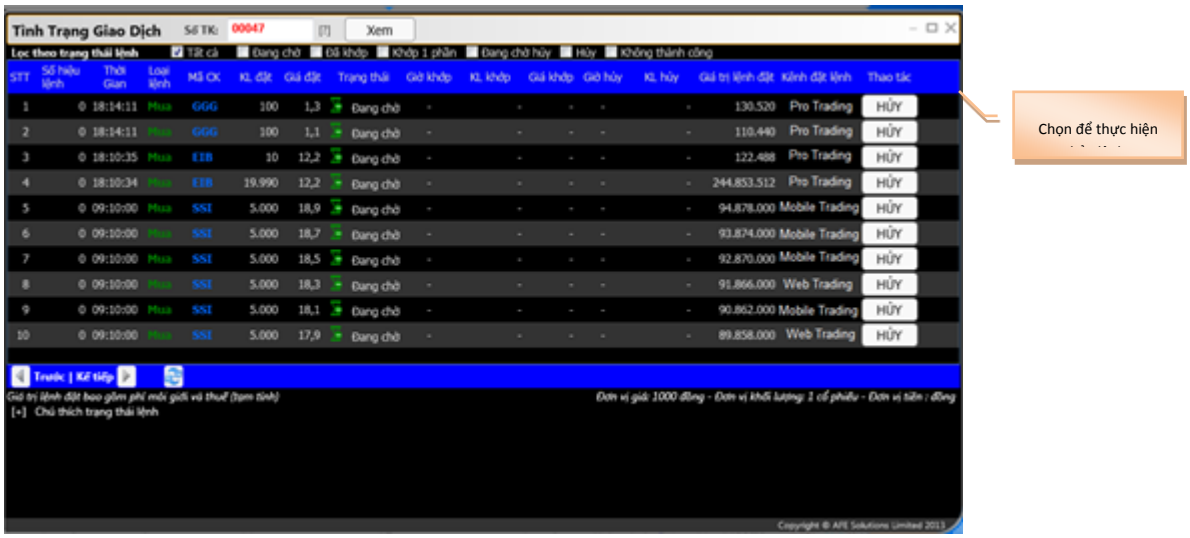

39.Danh sách lệnh đặt trong ngày

3.13.2 Quản lý trạng thái lệnh (FO_TF_OS)

Từ Menu chính → Giao Dịch → Trạng thái lệnh

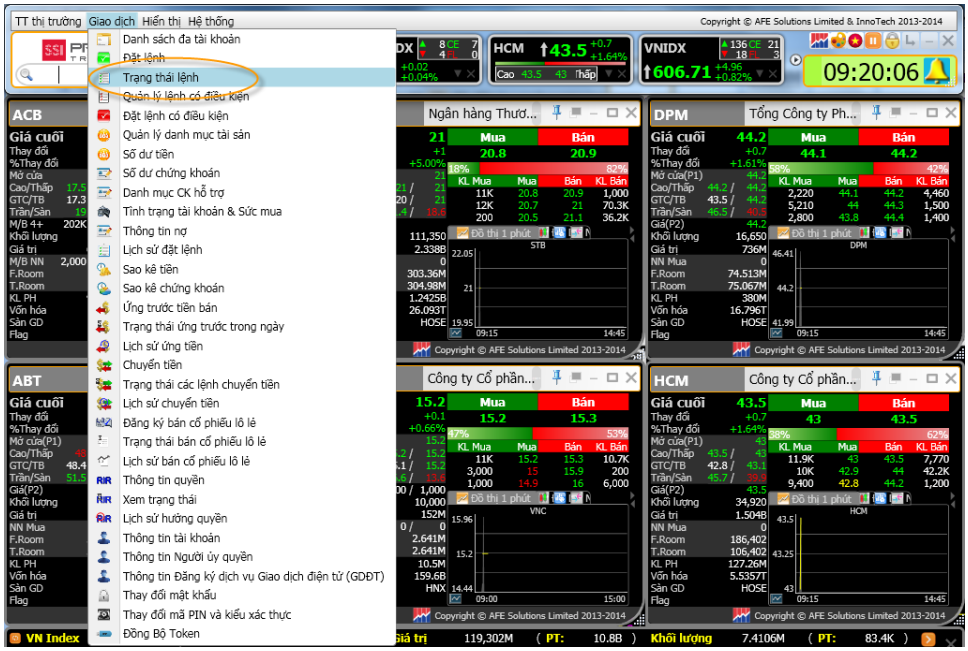

40. Thao tác xem danh sách trạng thái lệnh đặt

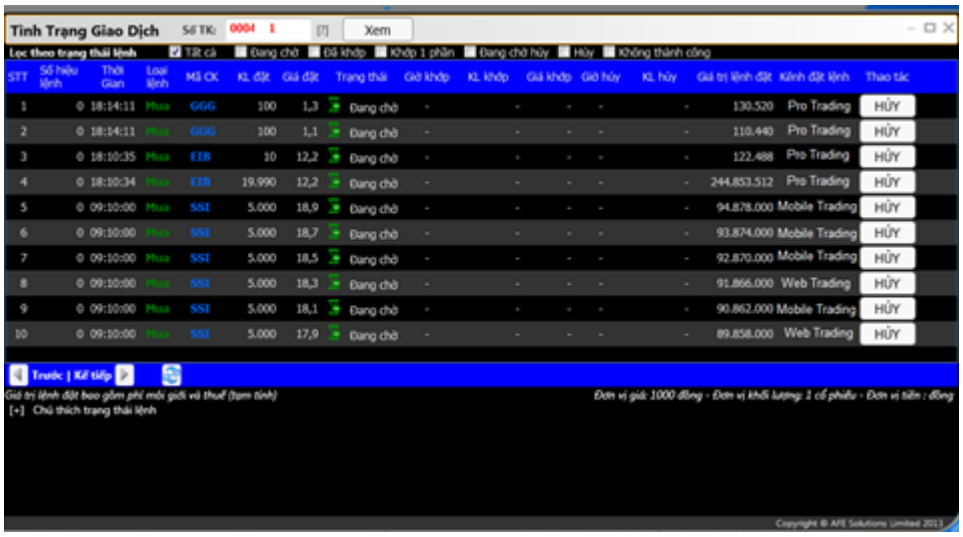

3.13.3 Quản lý đặt lệnh có điều kiện (FO_TF_COO)

Để đặt lệnh có điều kiện, từ thanh menu chính chọn Đặt lệnh có điều kiện

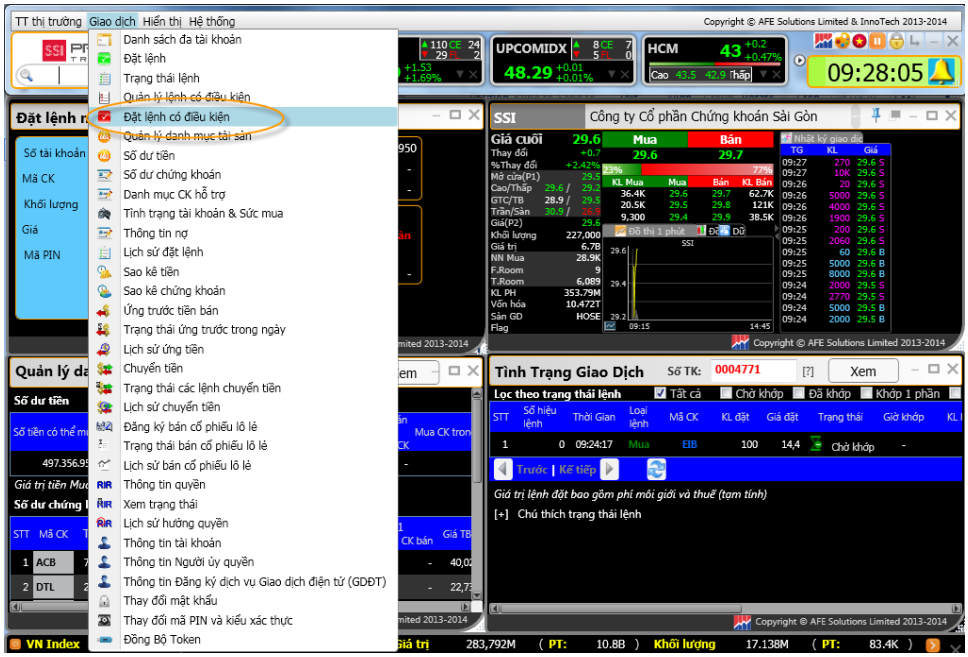

41. Đặt lệnh có điều kiện

Chọn loại lệnh điều kiện trong màn hình đặt lệnh điều kiện

42. Chọn loại lệnh điều kiện

3.13.4 Quản lý trạng thái lệnh đặt có điều kiện (FO_TF_COO_OM)

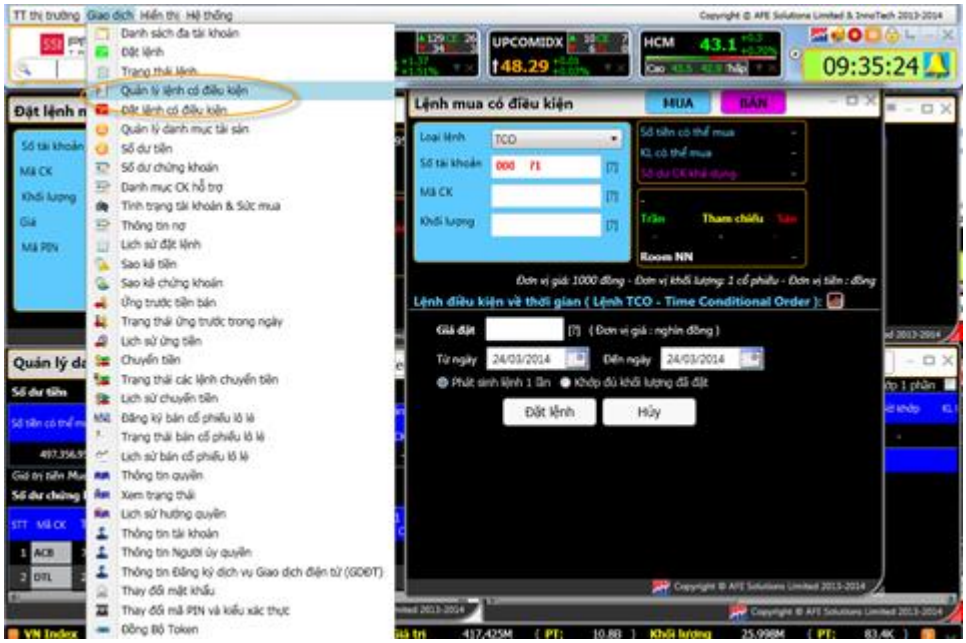

43. Thao tác xem màn hình quản lý danh sách lệnh đặt có điều kiện

44. Quản lý danh sách lệnh đặt có điều kiện

3.13.4.1 Hỗ trợ lọc danh sách theo trạng thái lệnh đặt

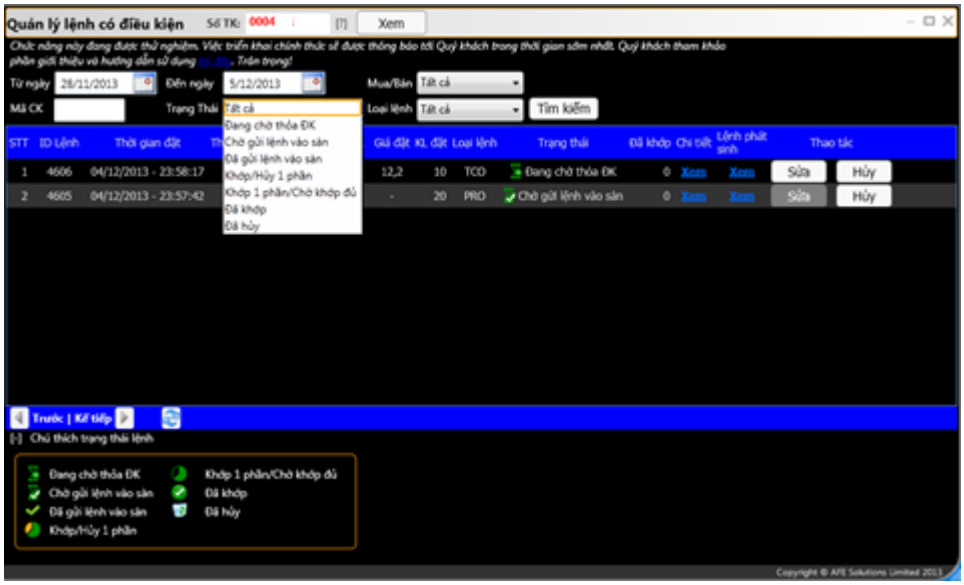

45. Lọc theo trạng thái lệnh

3.13.4.2 Hỗ trợ lọc danh sách theo loại lệnh đặt

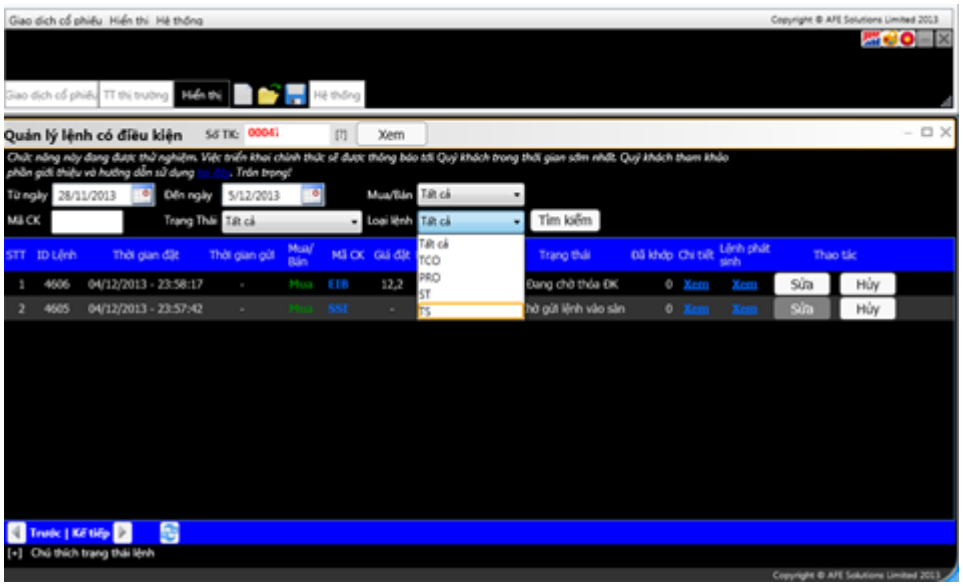

46. Lọc theo loại lệnh đặt

3.14 Quản lý danh mục tài sản (FO_CM)

3.14.1 Quản lý danh mục đầu tư (FO_CM_PM)

Từ Menu → chọn Giao dịch → chọn Quản lý danh mục tài sản

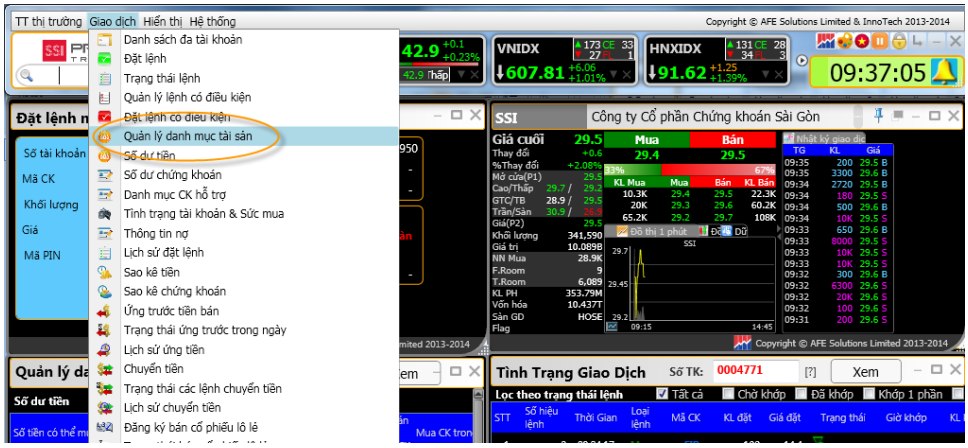

47. Thao tác xem thông tin danh mục đầu tư

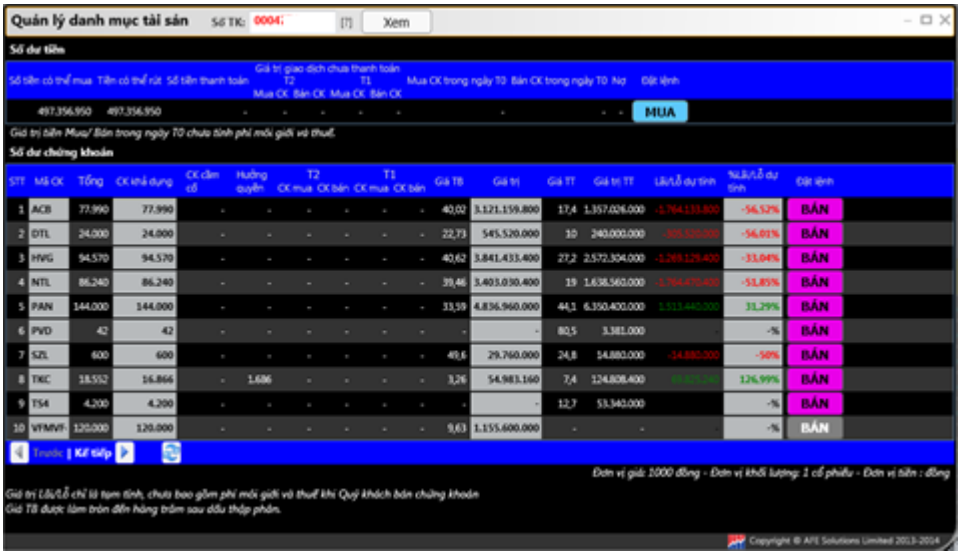

48.Quản lý danh mục đầu tư TK thường

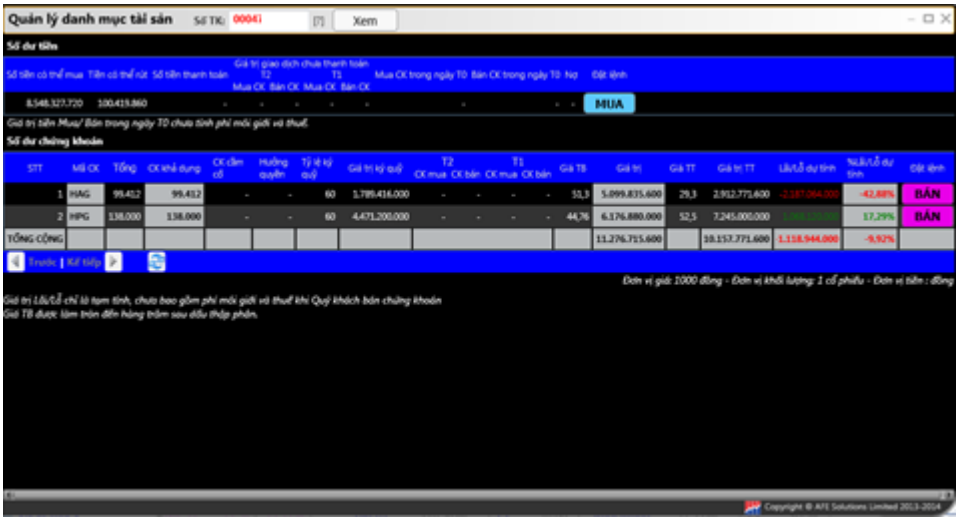

49.Quản lý danh mục đầu tư TK Margin

50. Quản lý số dư tiền TK thường

51. Quản lý số dư tiền TK Margin

52. Quản lý số dư CK TK thường

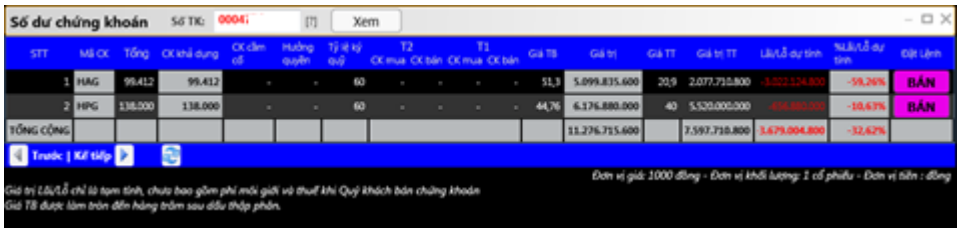

53.Quản lý số dư CK TK Margin

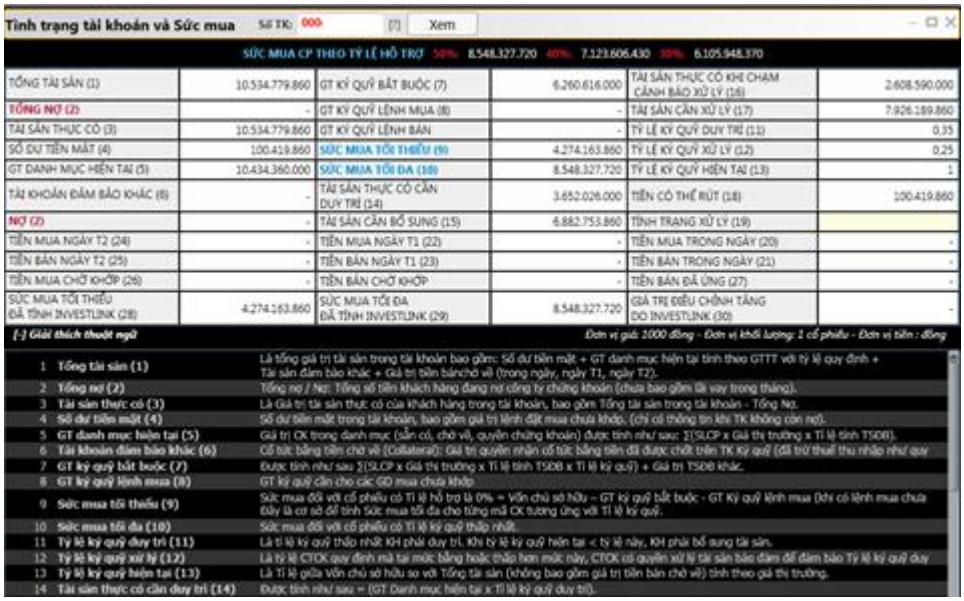

54. Quản lý tình trạng sức mua TK Margin

3.14.2 Quản lý lịch sử đặt lệnh (FO_CM_OH)

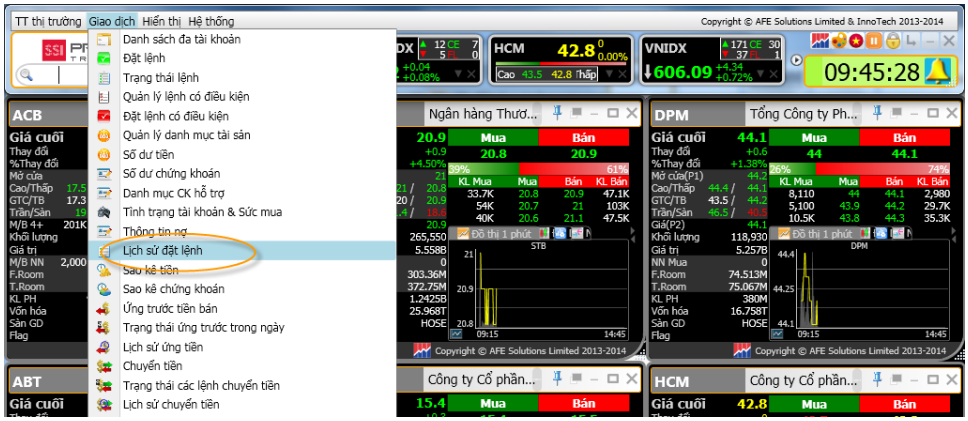

55. Thao tác xem danh sách lịch sử đặt lệnh

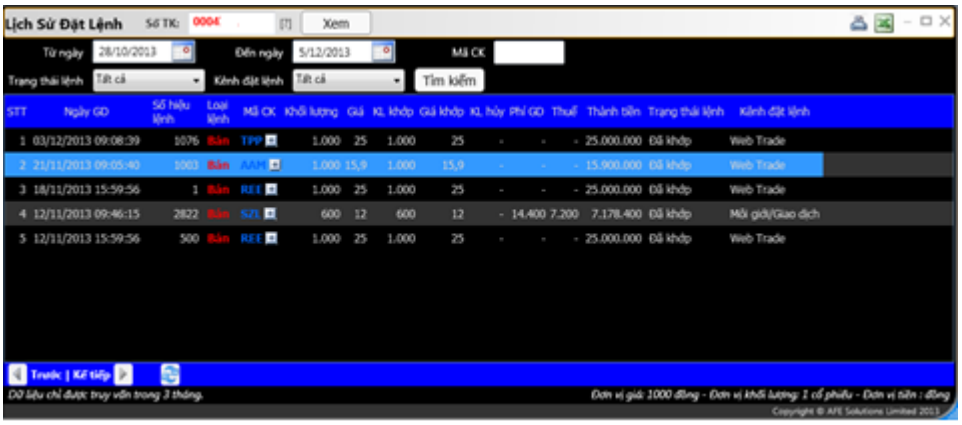

56. Quản lý lịch sử đặt lệnh

Hỗ trợ lọc dữ liệu theo trạng thái lệnh đặt

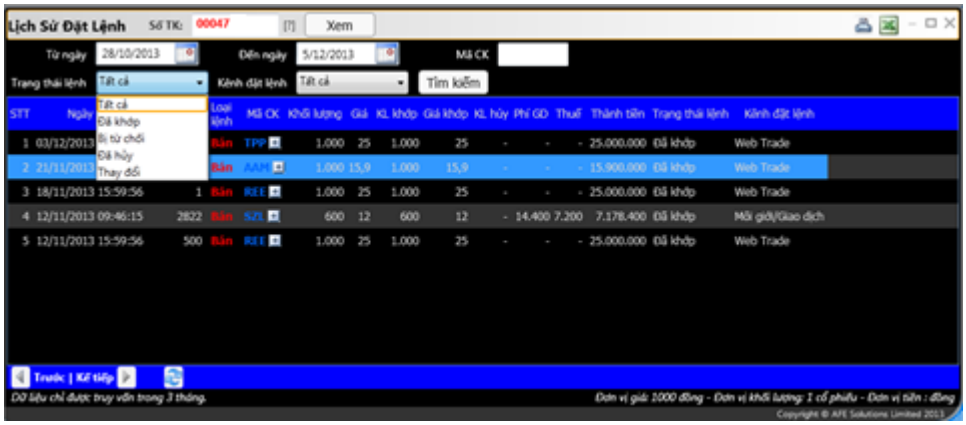

57. Lọc theo trạng thái lệnh

Hỗ trợ lọc dữ liệu theo kênh đặt lệnh

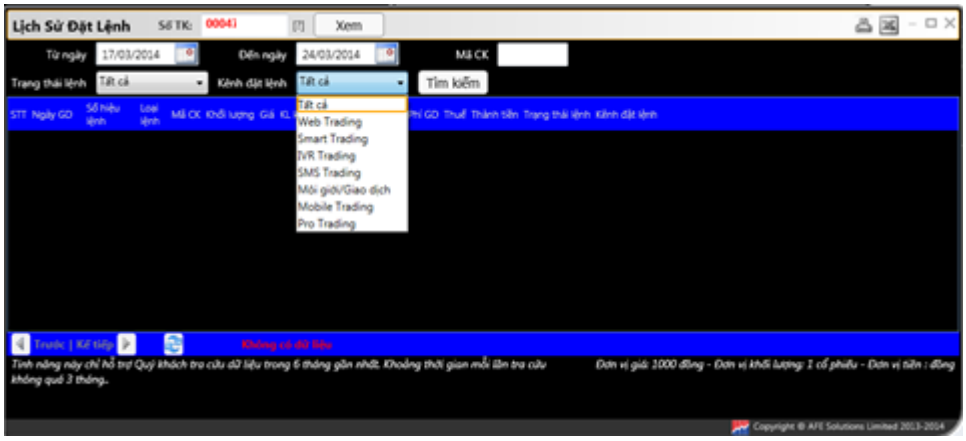

58.Lọc theo kênh đặt lệnh

3.14.3 Quản lý sao kê tiền (FO_CM_CAH)

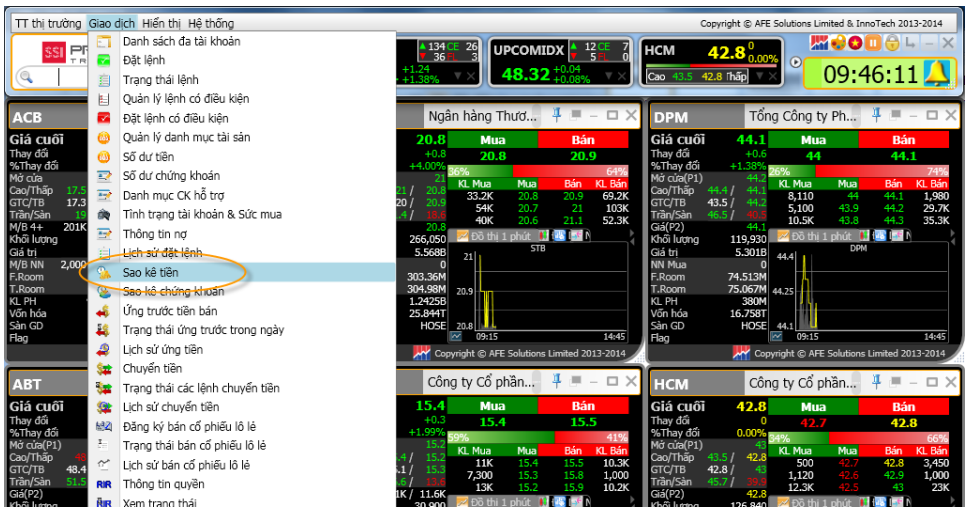

59.Thao tác xem sao kê tiền

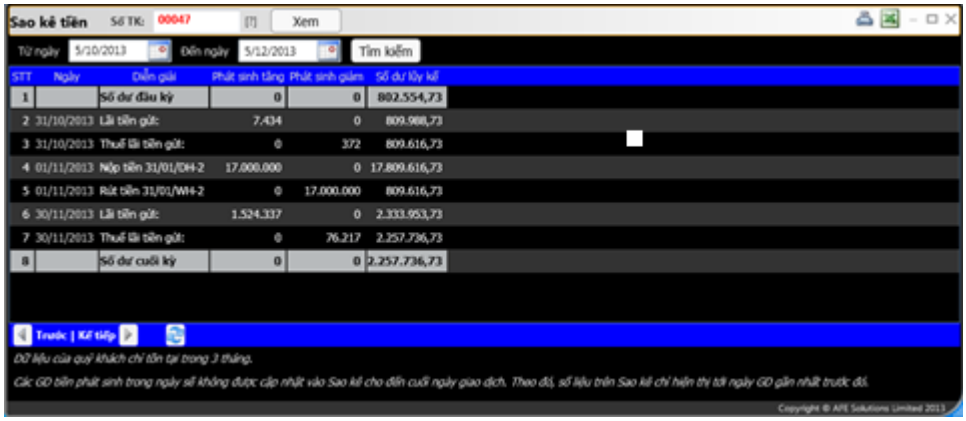

60. Sao kê tiền TK thường

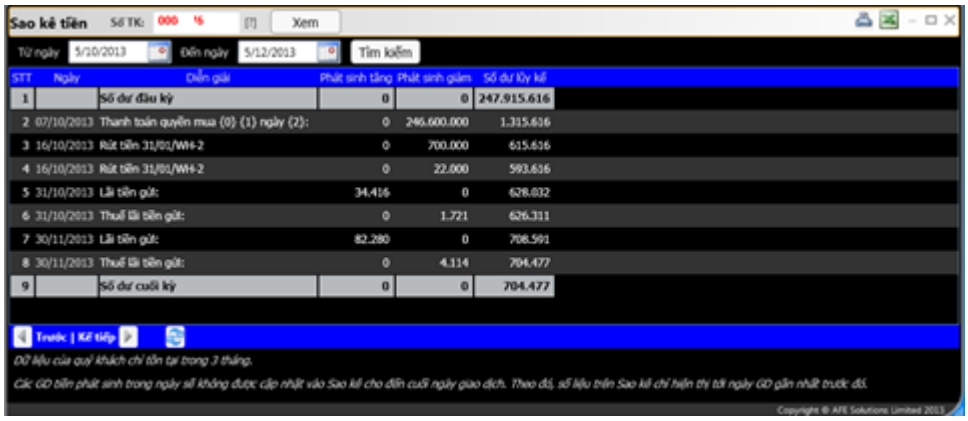

61. Sao kê tiền TK Margin

3.14.4 Quản lý sao kê chứng khoán (FO_CM_SEH)

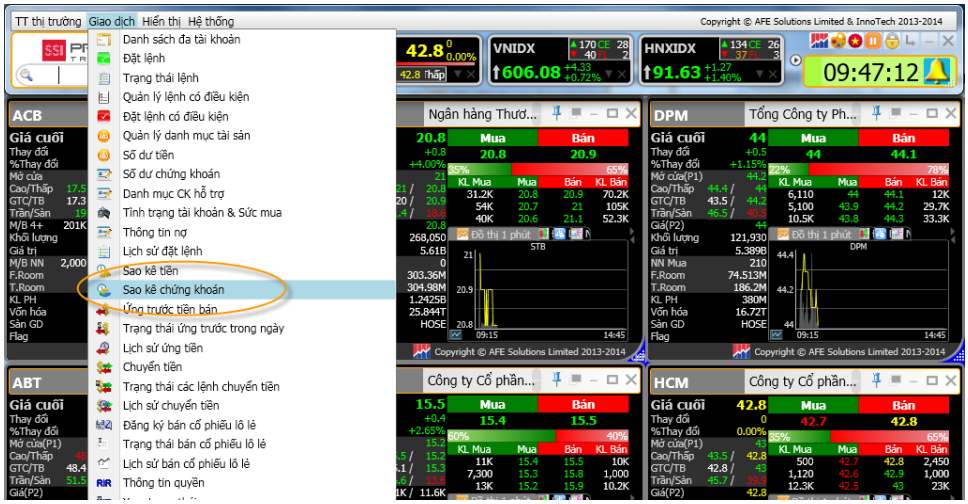

62. Thao tác xem sao kê chứng khoán

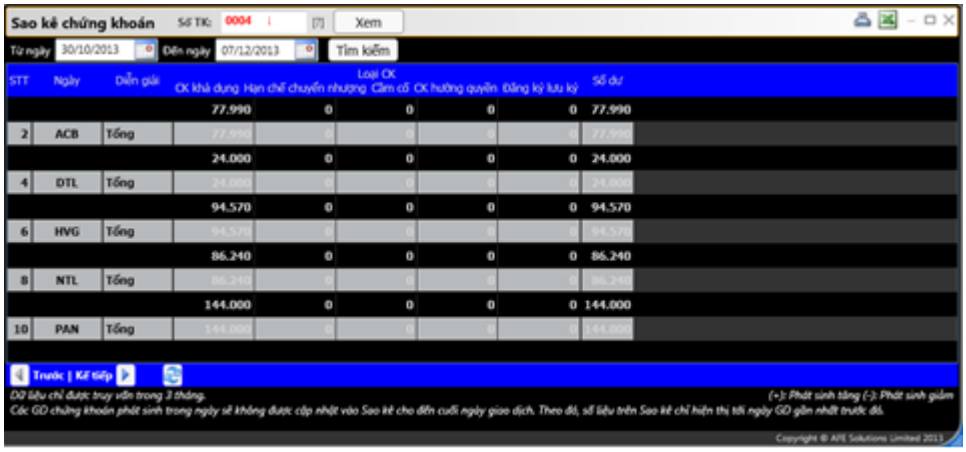

63. Sao kê chứng khoán

3.14.5 Quản lý thông tin nợ (FO_CM_DI)

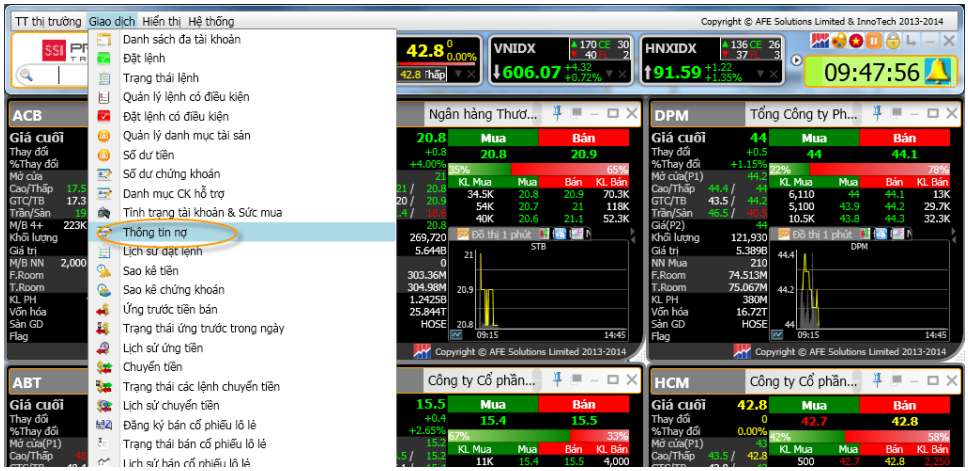

64. Thao tác xem thông tin nợ

3.15 Quản lý chức năng tiện ích (FO_UF)

3.15.1 Quản lý chức năng ứng trước tiền bán (FO_UF_CA)

3.15.1.1 Yêu cầu ứng trước tiền bán

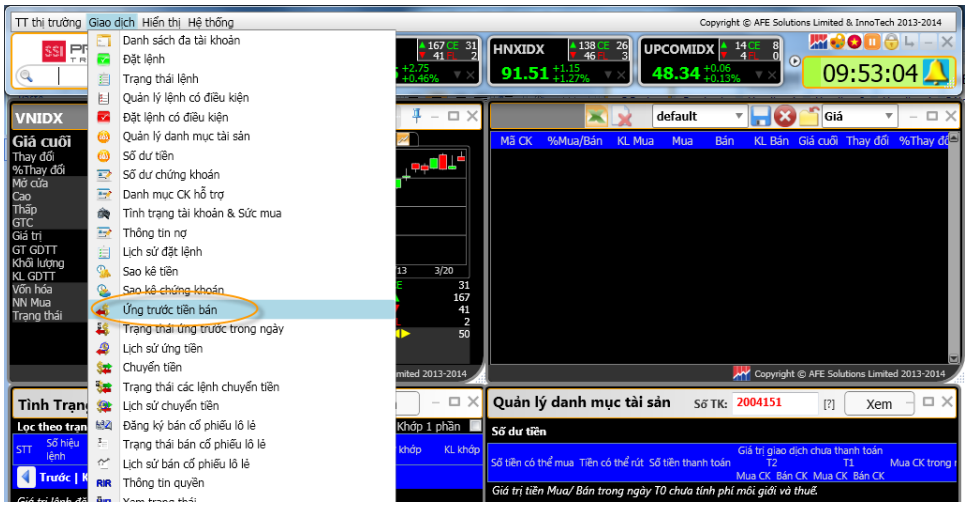

65. Thao tác vào thực hiện tạo yêu cầu ứng trước tiền bán

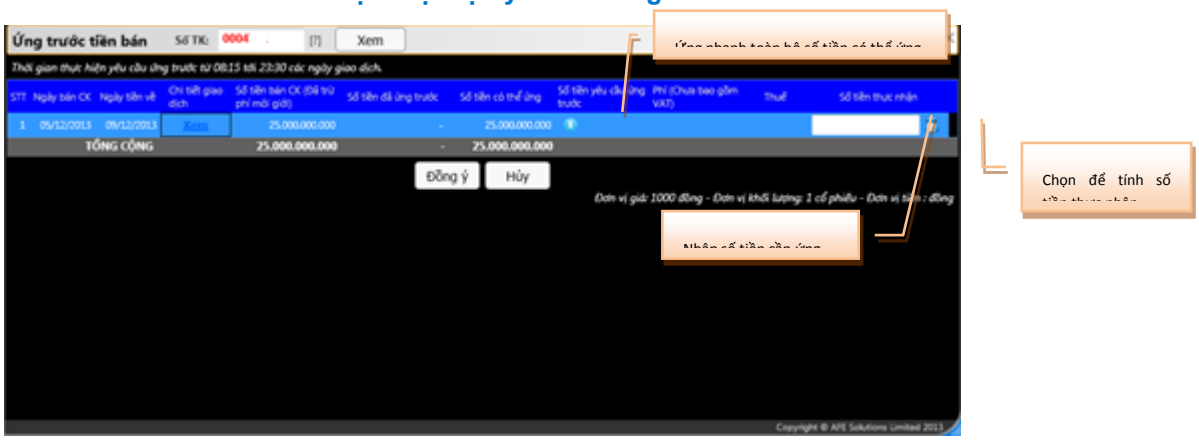

66. Yêu cầu ứng trước tiền bán

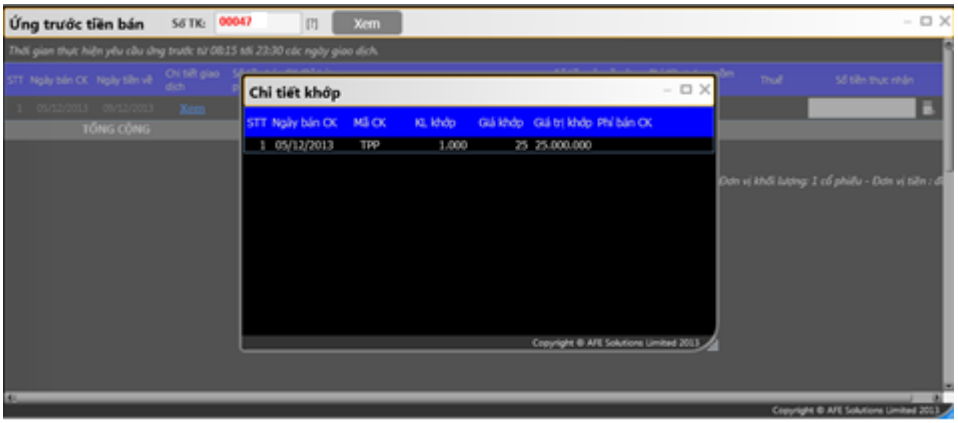

67. Màn hình xem chi tiết khớp lệnh bán

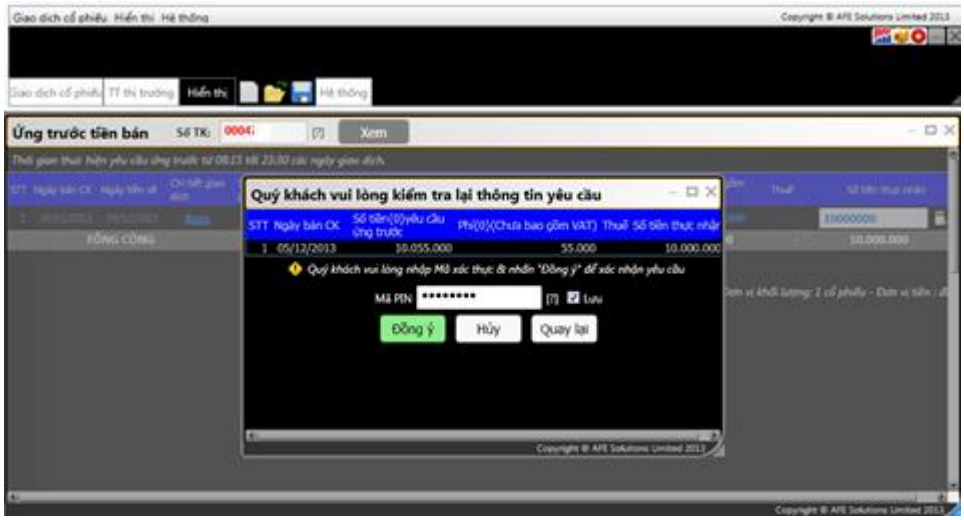

68.Xác nhận yêu cầu ứng trước tiền bán

3.15.1.2 Trạng thái ứng trước tiền bán

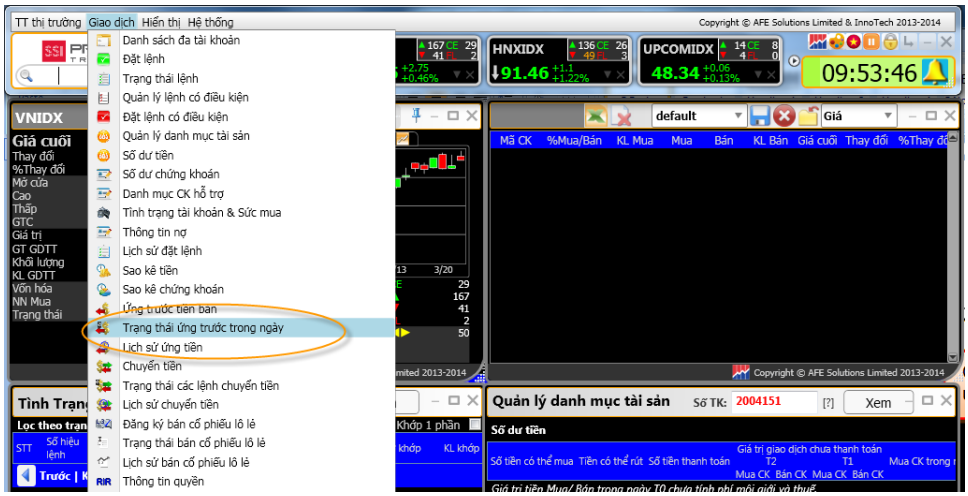

69.Thao tác vào xem trạng thái các yêu cầu ứng trước

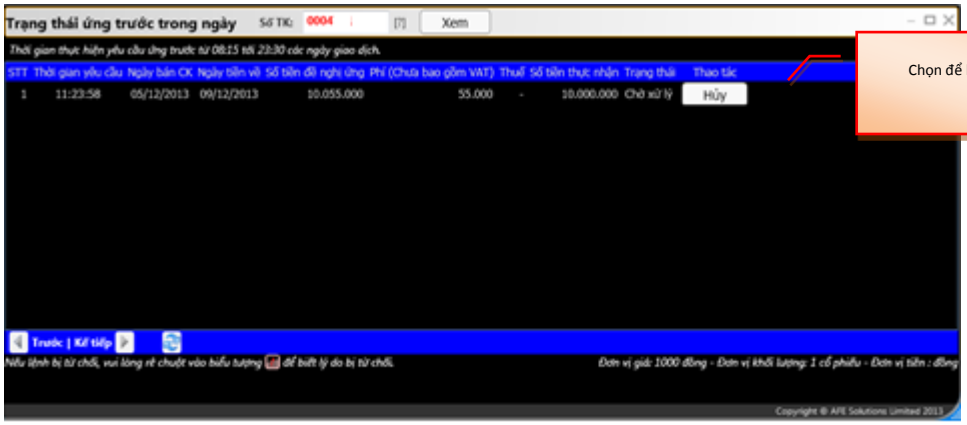

70. Xem trạng thái các yêu cầu ứng trước

3.15.1.3 Lịch sử ứng trước tiền bán

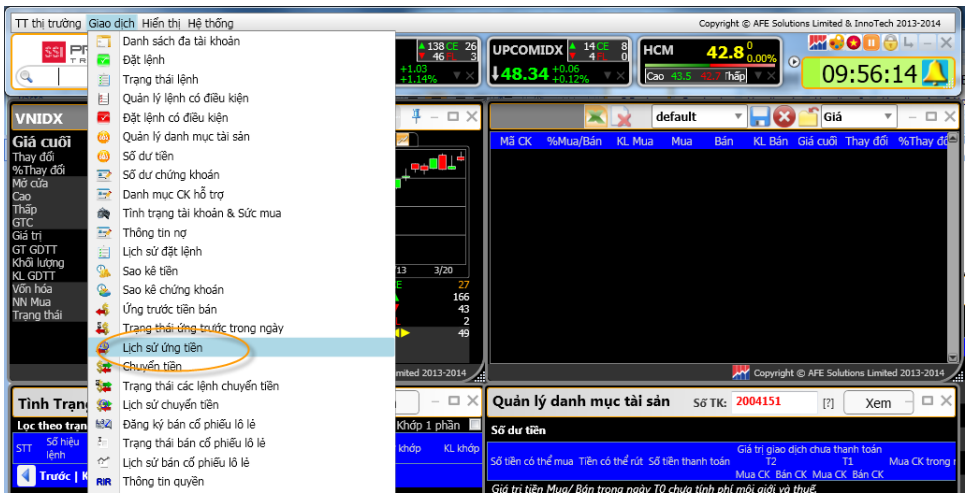

71. Thao tác vào xem danh sách lịch sử ứng trước

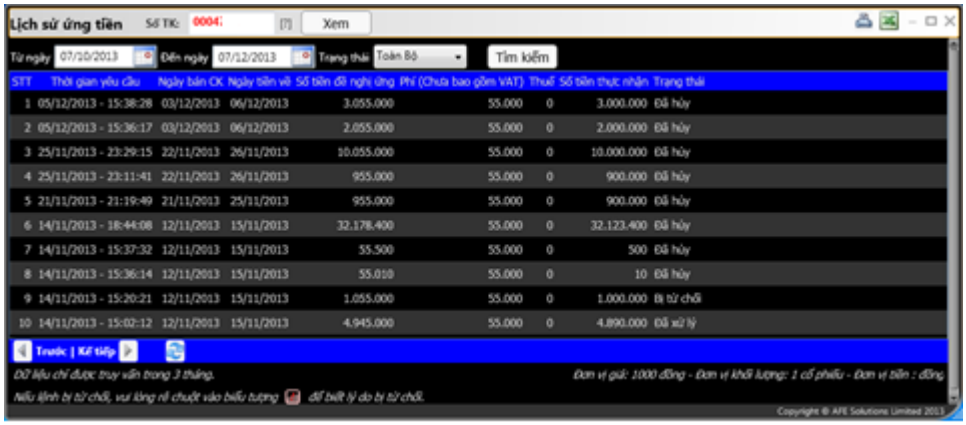

72. Xem danh sách lịch sử ứng tiền

73. Hỗ trợ lọc thông tin theo trạng thái yêu cầu ứng tiền

3.15.2 Quản lý chức năng chuyển tiền (FO_UF_MT)

3.15.2.1 Yêu cầu chuyển tiền

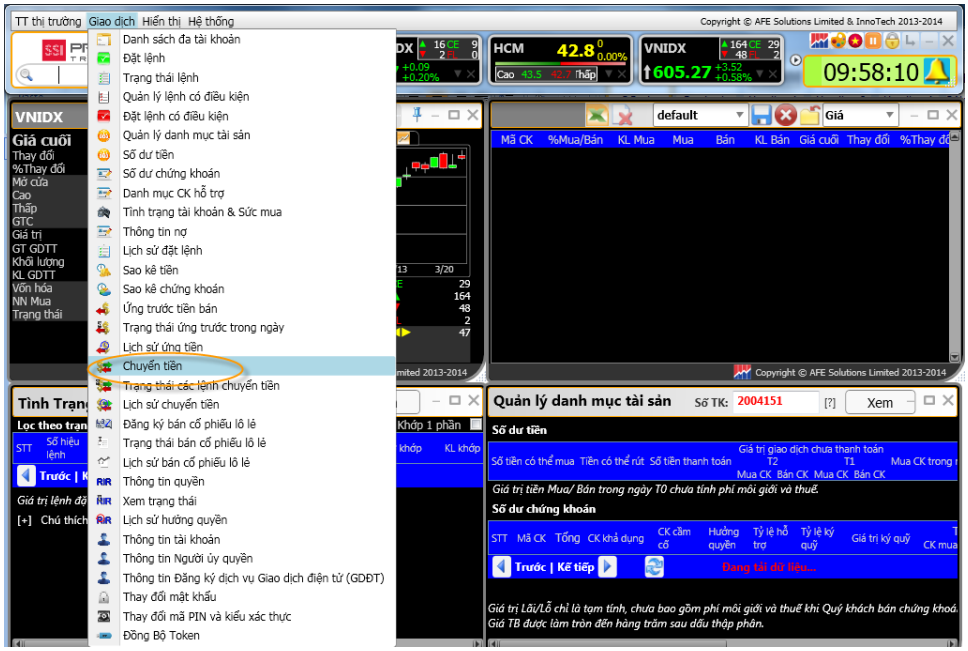

74. Thao tác vào tạo yêu cầu chuyển tiền

3.15.2.1.1 Yêu cầu chuyển tiền đến TK ngân hàng cùng tên

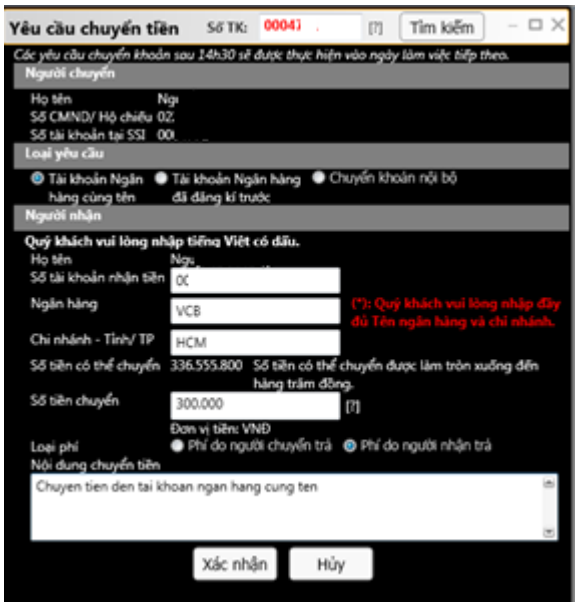

75. Yêu cầu chuyển tiền ngân hàng cùng tên

76. Xác nhận yêu cầu chuyển tiền

3.15.2.1.2 Yêu cầu chuyển tiền đến TK ngân hàng đăng ký trước

77. Yêu cầu chuyển tiền đến ngân hàng đăng ký trước

78.Xác nhận yêu cầu chuyển tiền

3.15.2.1.3 Yêu cầu chuyển tiền đến TK nội bộ

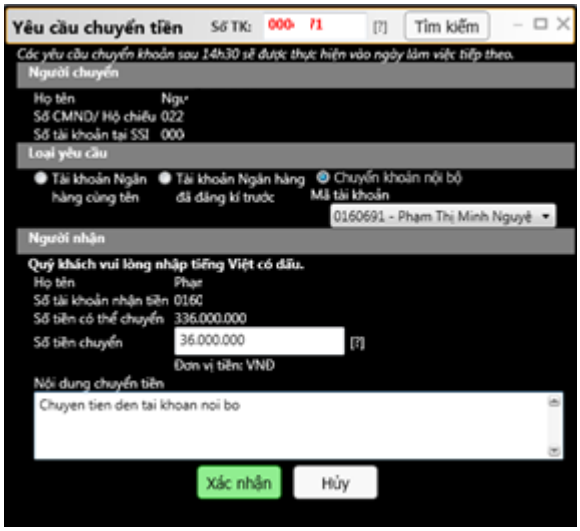

79.Yêu cầu chuyển tiền đến TK nội bô

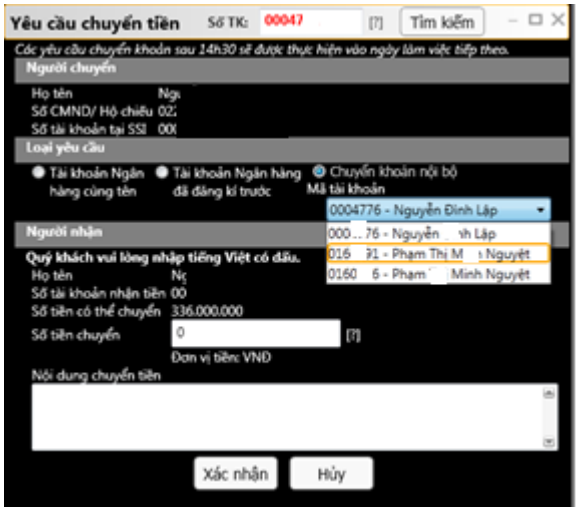

80. Xem danh sách TK nội bộ

81. Xác nhận yêu cầu chuyển tiền

3.15.2.2 Trạng thái các yêu cầu chuyển tiền

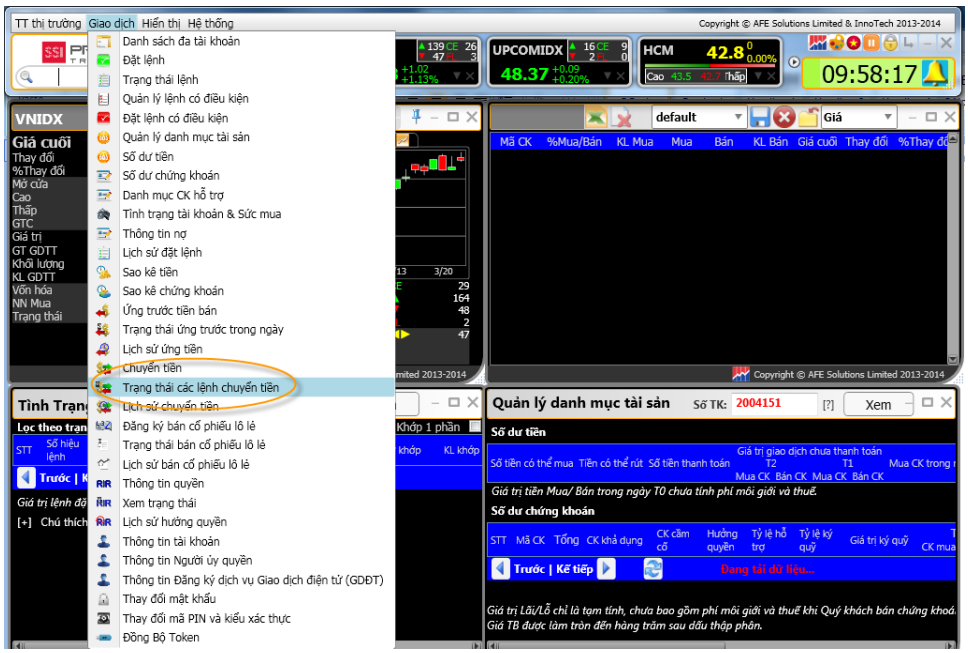

82. Thao tác vào xem danh sách trạng thái chuyển tiền

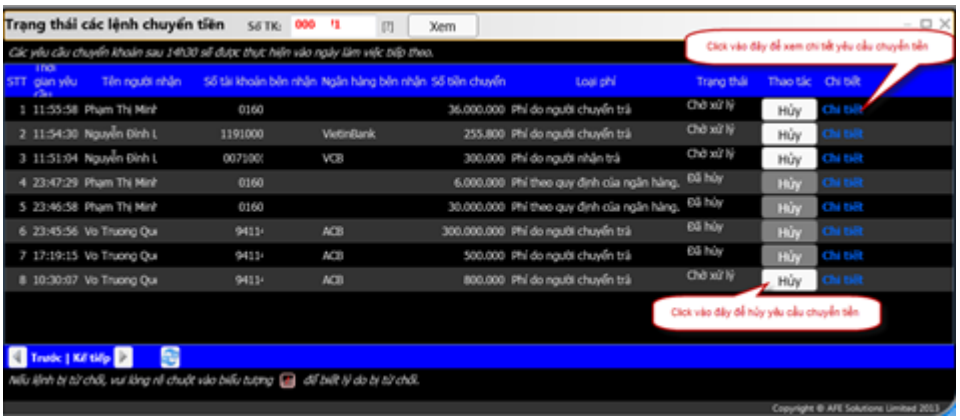

83. Danh sách trạng thái lệnh chuyển tiền

84. Xem chi tiết thông tin chuyển tiền

3.15.2.3 Lịch sử yêu cầu chuyển tiền

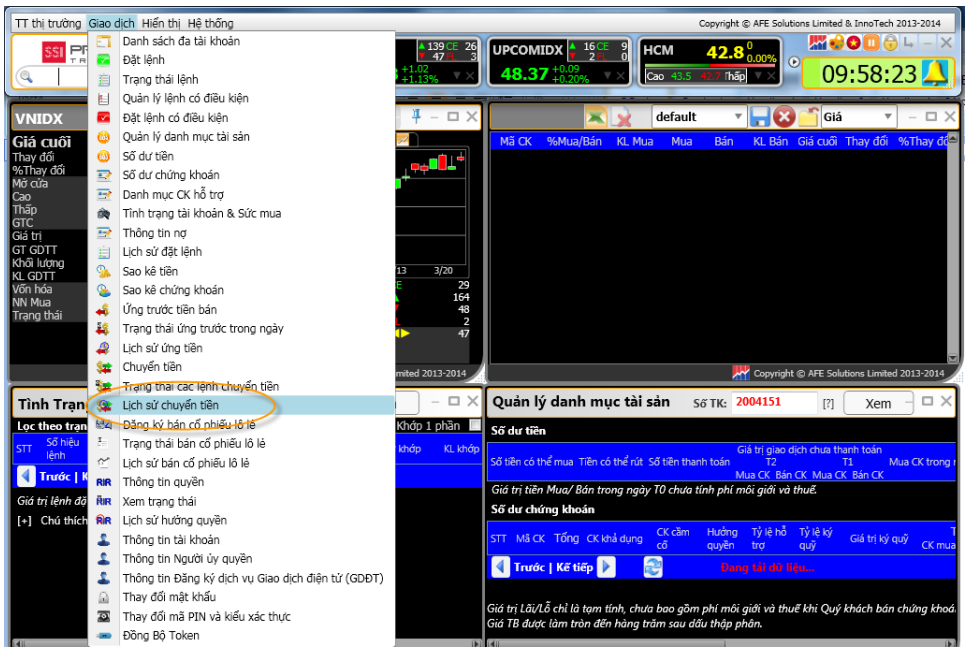

85. Thao tác vào xem danh sách lịch sử chuyển tiền

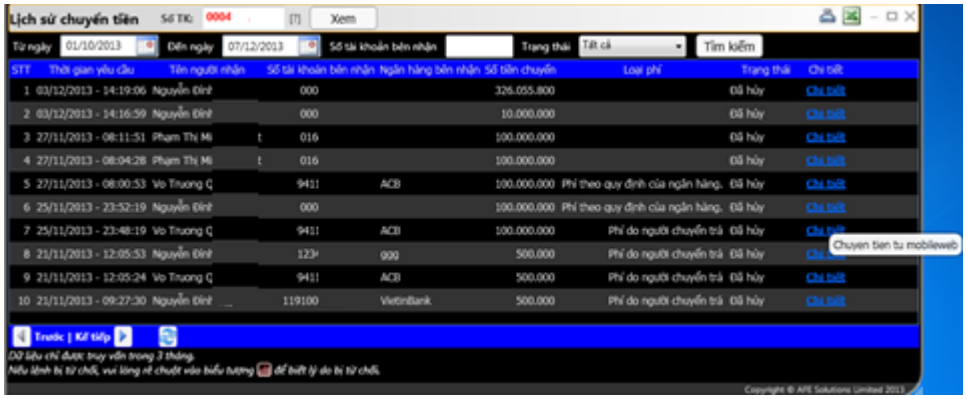

86. Xem danh sách lịch sử chuyển tiền

87. Nội dung lệnh chuyển tiền bị từ chối

3.15.3 Quản lý chức năng bán CP lô lẻ (FO_UF_SOR)

3.15.3.1 Đăng ký bán CP lô lẻ

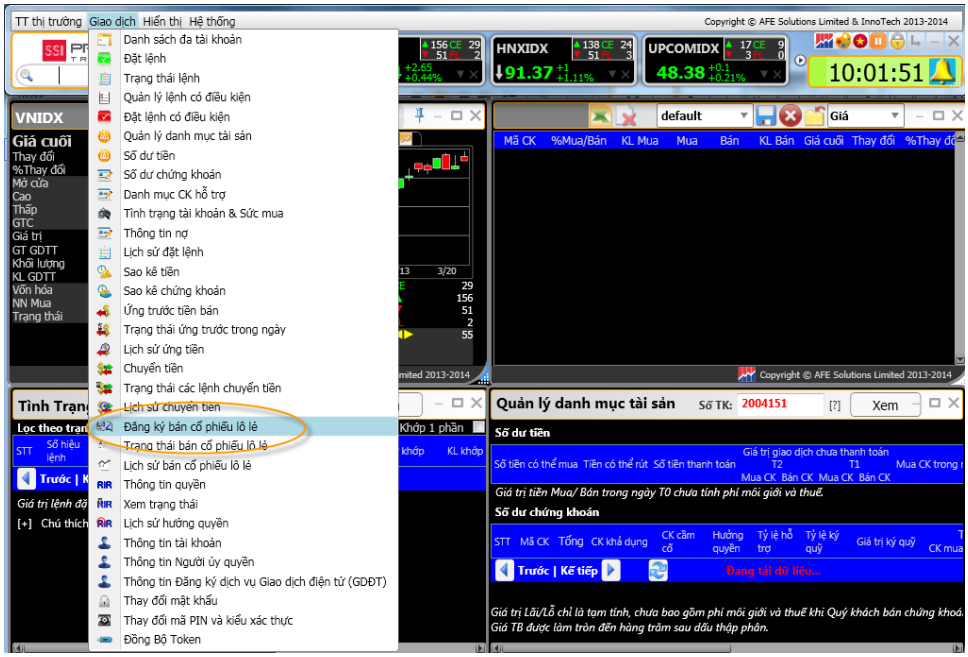

88.Thao tác vào đăng ký bán CP lô lẻ

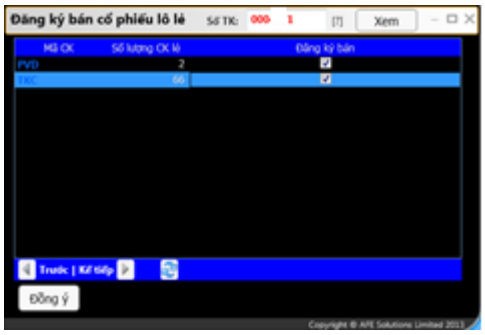

89.Màn hình đăng ký bán CP lô lẻ

90. Xác nhận đăng ký bán CP lô lẻ

3.15.3.2 Trạng thái bán CP lô lẻ

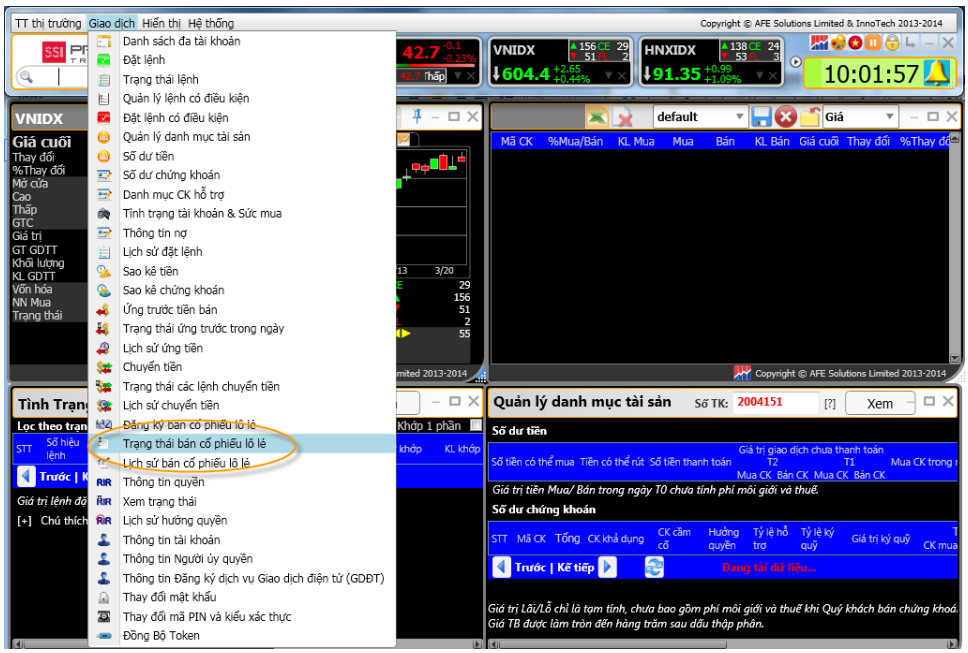

91. Thao tác vào xem trạng thái bán CP lô lẻ

92. Xem trạng thái bán CP lô lẻ

3.15.3.3 Lịch sử bán CP lô lẻ

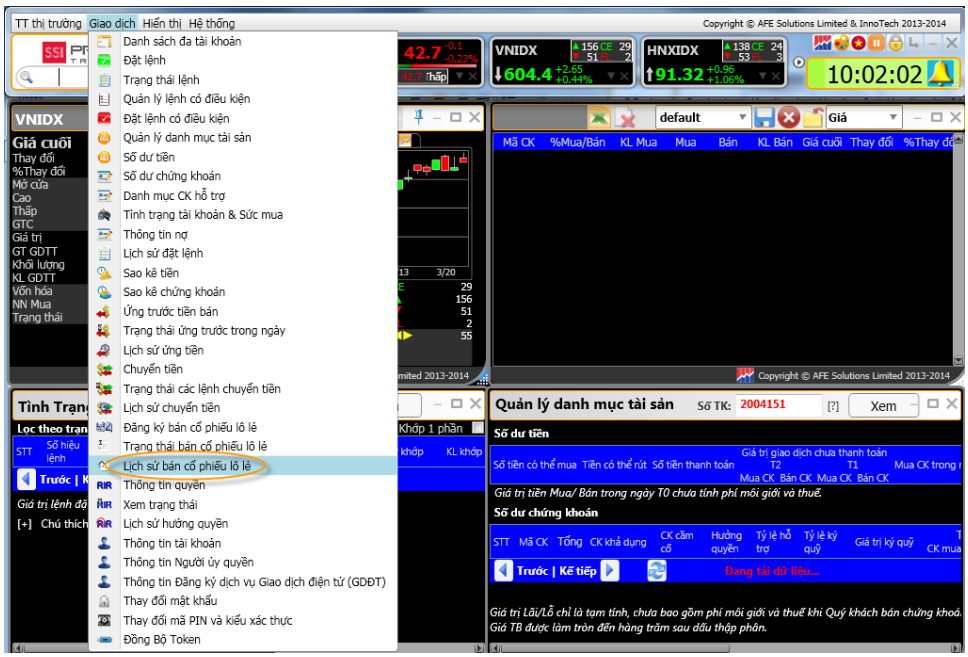

93. Thao tác vào xem lịch sử bán CP lô lẻ

3.15.4 Quản lý chức năng thực hiện quyền mua (FO_UF_RIR)

3.15.4.1 Thông tin quyền

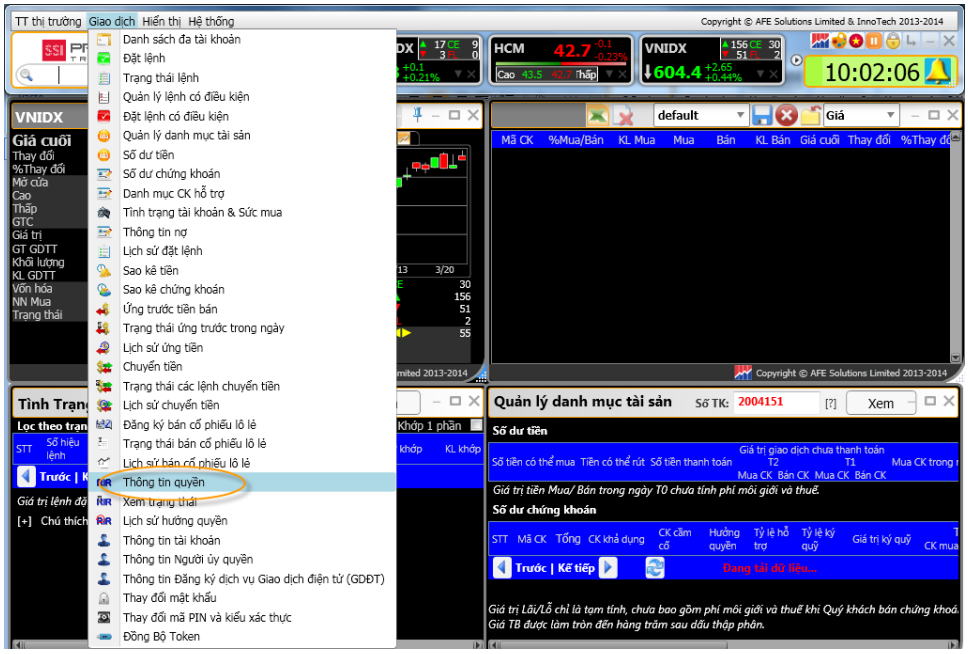

94. Thao tác xem thông tin quyền

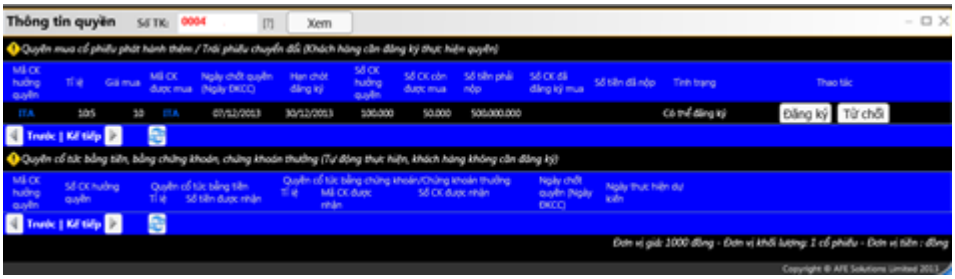

95. Xem thông tin quyền

96. Đăng ký thực hiện quyền mua

97. Xác nhận đăng ký thực hiện quyền mua

3.15.4.2 Trạng thái thực hiện quyền mua

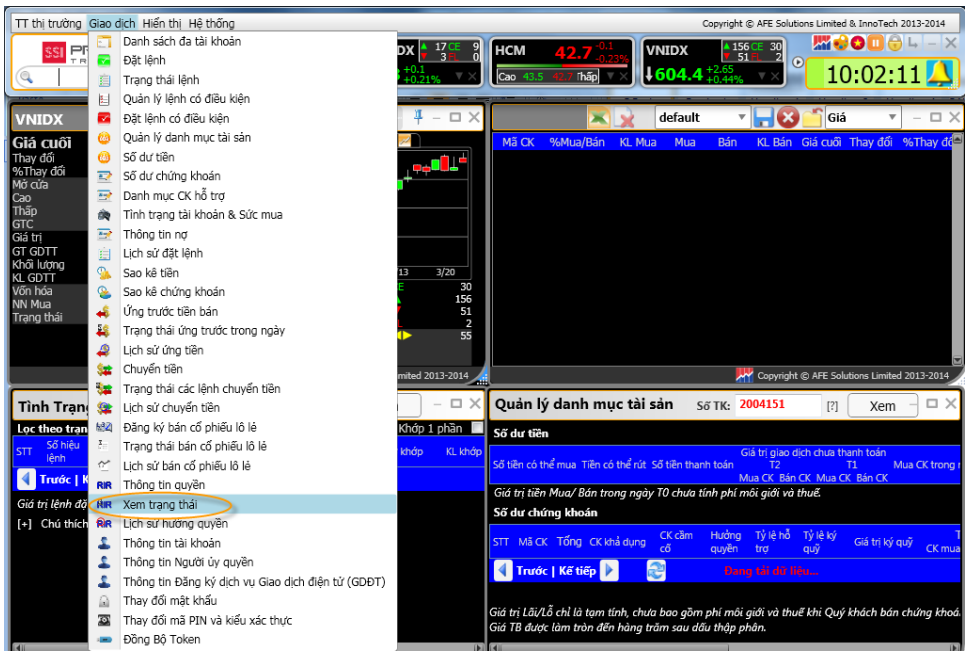

98.Thao tác xem trạng thái thực hiện quyền

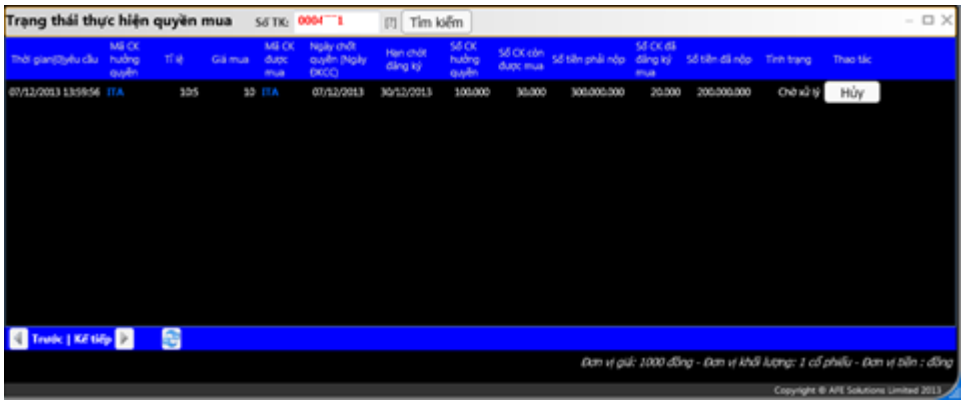

99.Xem danh sách trạng thái đăng ký thực hiện quyền

3.15.4.3 Lịch sử hưởng quyền

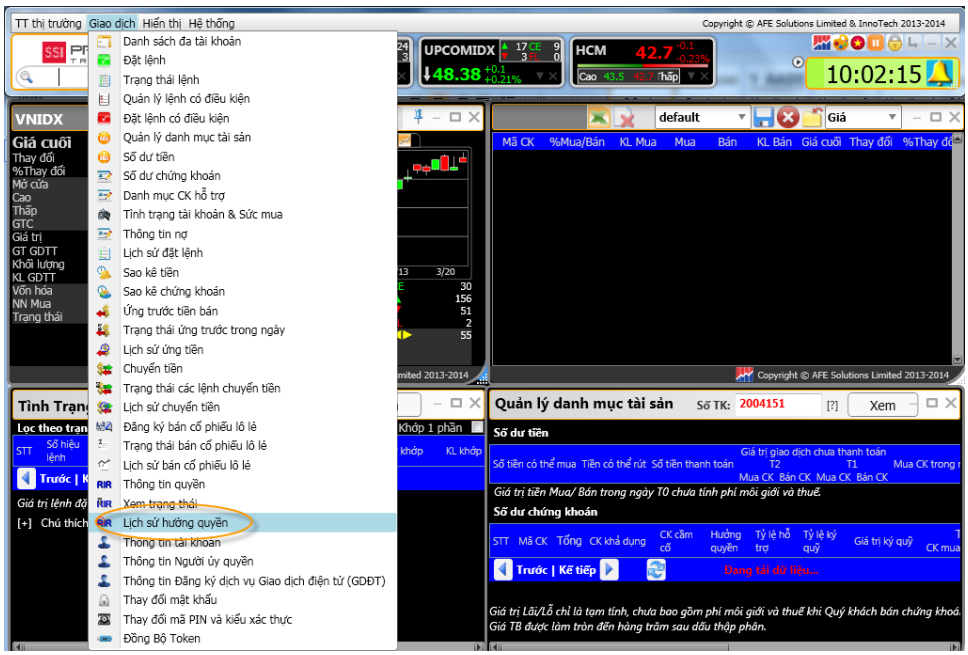

100. Xem lịch sử hưởng quyền